

RỦI RO NGÀNH

**BÁO CÁO
GIÁM SÁT THỊ TRƯỜNG & CẢNH BÁO
RỦI RO NGÀNH HÀNG**

4/2012

AgroMonitor

www.agromonitor.vn

Kính gửi Quý khách hàng

Các ngành hàng nông sản ngày càng chiếm vị trí chen chốt trong nền kinh tế bởi quy mô kinh doanh không ngừng tăng lên và thể hiện lợi thế cạnh tranh lâu dài của Việt Nam. Tuy nhiên, những biến động khó tiên lượng của thị trường toàn cầu, nội tại nền kinh tế vĩ mô hay đặc thù các ngành của sản xuất nông nghiệp đang làm cho các tổ chức tài chính & đầu tư hay các doanh nghiệp ngành đứng trước những **RỦI RO** ngày càng lớn.

Nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp giảm thiểu các **RỦI RO** trong kinh doanh, bên cạnh các báo cáo ngành hàng chuyên sâu cập nhật hàng NGÀY, TUẦN, chúng tôi phát triển báo cáo hàng tháng “**GIÁM SÁT THỊ TRƯỜNG & CẢNH BÁO RỦI RO NGÀNH HÀNG**”.

Báo cáo sẽ giúp Quý khách hàng trong việc:

- Giám sát biến động của thị trường các ngành hàng nông sản và vật tư nông nghiệp quan trọng nhất như lúa gạo; thủy sản; phân bón; thức ăn chăn nuôi; thịt; cà phê; cao su; hồ tiêu; điều.
- Nhận diện hiện trạng và triển vọng các rủi ro và nguy cơ có thể xảy ra thông qua bảng ma trận xếp hạng rủi ro
- Thu nhận những thông tin trong lòng của giới kinh doanh giúp nắm bắt được xu hướng chuyển động thực sự của thị trường
- Tham khảo các phân tích & bình luận chuyên sâu
- Điều chỉnh chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp trước những biến động của thị trường

Báo cáo sẽ đặc biệt hữu ích đối với lãnh đạo cấp trung và cấp cao, cũng như chuyên viên của khối tài chính và đầu tư bởi nội dung trình bày giản lược của các xu hướng chính các ngành hàng trong sự tương quan so sánh. Các nội dung trong báo cáo thể hiện sự chất lọc/tổng hợp từ các phân tích cập nhật và chuyên sâu chi tiết các ngành, cũng như tham khảo ý kiến từ mạng lưới các quan hệ đối tác – các khách hàng thân hữu của AgroMonitor, nhất là lãnh đạo các doanh nghiệp hàng đầu của ngành. Với vị thế của một đơn vị tư vấn trung lập, AgroMonitor luôn cố gắng đảm bảo tính khách quan trong các bình luận cũng như kiểm chứng các tin tức để đưa ra thông tin chính xác nhất có thể được.

Với những ưu thế về sự chuyên sâu của đội ngũ chuyên viên phân tích và mối quan hệ chặt chẽ với cộng đồng doanh nghiệp ngành, báo cáo **GIÁM SÁT THỊ TRƯỜNG & CẢNH BÁO RỦI RO NGÀNH HÀNG** của AgroMonitor sẽ là một công cụ hiệu quả hỗ trợ Quý khách hàng phòng tránh các rủi ro tương lai, đem lại lợi nhuận tốt hơn và vững bền.

Chủ tịch, Kinh tế trưởng

Phạm Quang Diệu

Q&A Báo cáo GIÁM SÁT THỊ TRƯỜNG & CẢNH BÁO RỦI RO NGÀNH HÀNG

1. *Vì sao lại thực hiện báo cáo?*

- 1.1. Trong những năm gần đây nền kinh tế thế giới và Việt Nam ngày càng trở nên biến động mạnh, đặc biệt là thị trường nông sản gây ra những rủi ro rất lớn cho cộng đồng doanh nghiệp, nhất là giới đầu tư tài chính trong quyết định về lựa chọn danh mục đầu tư và phân bổ vốn.
- 1.2. Sự biến động của mỗi ngành hàng nông sản rất khác nhau do chịu sự tác động của các yếu tố đặc thù rất khác nhau, dẫn đến cần phải có các tư vấn đáng tin cậy, theo sát diễn biến thị trường để có cảnh báo kịp thời về rủi ro của ngành.
- 1.3. Hiện nay ở Việt Nam chưa có tổ chức nào thực hiện các phân tích chuyên sâu định kỳ về rủi ro các ngành hàng nông sản hỗ trợ cộng đồng đầu tư trong các quyết định kinh doanh.

2. *Nội dung báo cáo có gì nổi bật?*

- 2.1. Cập nhật các diễn biến mới nhất chi phối hiện trạng cũng như chuyển động tương lai của ngành hàng như giá cả nguyên liệu và thành phẩm, thương mại, chính sách.
- 2.2. Phân tích và xếp hạng các yếu tố rủi ro của mỗi ngành hiện tại và tương lai trong Quý tới.
- 2.3. Phụ lục các số liệu cập nhật của ngành hàng theo chuỗi thời gian

3. *Số liệu trong báo cáo có đáng tin cậy không?*

- 3.1. Số liệu được thu thập từ các nguồn thông tin chính thống. Trong trường hợp, cùng một con số từ hai nguồn số liệu, AgroMonitor sẽ có bình luận để lựa chọn con số có tính hợp lý cao hơn.
- 3.2. Đối với các số liệu thu thập từ các mối quan hệ đối tác, AgroMonitor sẽ cố gắng kiểm chứng từ nhiều nguồn tin để cố gắng đảm bảo tính đáng tin cậy của con số.
- 3.3. Đối với số liệu thô trước khi tính toán và tổng hợp để ra các con số thống kê sẽ được chuyên viên của AgroMonitor làm sạch theo quy trình.
- 3.4. Với vị thế là cơ quan độc lập, nên các số liệu cũng như các bình luận sẽ thể hiện sự phản ánh trung thực và khách quan nhất về thị trường trong khả năng có được của AgroMonitor.

4. *Phương pháp thực hiện có gì khác biệt?*

- 4.1. Các diễn biến mới nhất của ngành được cập nhật dựa trên sự theo dõi sát các diễn biến của các số liệu vĩ mô chính thống cũng như các tin tức từ báo chí trong nước và quốc tế.
- 4.2. Đặc biệt, các thông tin được thu thập từ các khách hàng/đối tác của AgroMonitor là các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành do đó phản ánh các diễn biến cập nhật trong lòng của giới kinh

doanh. Cách thức này sẽ cho phép AgroMonitor có thể phân tích các rủi ro sát nhất với diễn biến thực tế và tiên liệu triển vọng tương lai một cách đáng tin cậy.

- 4.3. Việc xếp hạng các yếu tố rủi ro theo thang điểm từ 1 đến 4 dựa trên các phân tích và thảo luận nhiều vòng giữa các chuyên viên phân tích của AgroMonitor, và có sự tham vấn với các đối tác là các lãnh đạo doanh nghiệp trong ngành.

5. Báo cáo phát hành như thế nào?

- 5.1. Báo cáo phát hành hàng tháng – vào tuần thứ nhất hàng tháng
- 5.2. Định dạng bản cứng gửi chuyển phát nhanh hoặc file pdf chuyển qua email

6. Ai là người sử dụng báo cáo?

- 6.1. Lãnh đạo cấp cao các Ngân hàng, tổ chức đầu tư tài chính, Quỹ đầu tư....có thể nắm bắt được các xu hướng của các ngành một cách nhanh chóng qua 1 trang tổng lược ngắn gọn về các ngành và ma trận xếp hạng rủi ro. Thông tin toàn cảnh này sẽ giúp các nhà lãnh đạo cân nhắc điều chỉnh chiến lược đầu tư cũng như danh mục đầu tư ngành hàng sao cho hiệu quả nhất.
- 6.2. Chuyên viên các phòng ban của tổ chức tài chính, tín dụng, nhất là Phòng quản lý rủi ro các ngân hàng có thể tham khảo chi tiết về các diễn biến mới nhất của ngành cũng như hỗ trợ cho việc tổng hợp báo cáo lãnh đạo định kỳ.

BÁO CÁO**GIÁM SÁT THỊ TRƯỜNG & CẢNH BÁO RỦI RO NGÀNH HÀNG****Mục lục**

1. TRIỂN VỌNG RỦI RO CỦA CÁC NGÀNH.....	5
2. NGÀNH LÚA GẠO	7
2.1. Cập nhật diễn biến thị trường lúa gạo	7
2.2. Đánh giá mức độ rủi ro của ngành lúa gạo hiện tại và Quý 2/2012.....	9
2.3. Phụ lục số liệu ngành lúa gạo.....	12
3. NGÀNH PHÂN BÓN.....	16
3.1. Cập nhật diễn biến thị trường phân bón.....	16
3.2. Đánh giá mức độ rủi ro của ngành phân bón hiện tại và triển vọng quý 2/2012	18
3.3. Phụ lục số liệu ngành phân bón	22
4. NGÀNH SẢN	26
4.1. Cập nhật diễn biến thị trường ngành sản.....	26
4.2. Đánh giá mức độ rủi ro của ngành sản hiện tại và quý 2/2012	27
4.3. Phụ lục số liệu ngành sản.....	29
5. NGÀNH THỨC ĂN CHĂN NUÔI	30
5.1. Cập nhật diễn biến thị trường ngành thức ăn chăn nuôi	30
5.2. Đánh giá mức độ rủi ro của ngành thức ăn chăn nuôi trong hiện tại và Quý 2/2012.....	33
5.3. Phụ lục số liệu ngành thức ăn chăn nuôi.....	37
6. NGÀNH HÀNG THỦY SẢN.....	41
6.1. Cập nhật diễn biến thị trường.....	41
6.2. Đánh giá mức độ rủi ro của ngành thủy sản hiện tại và Quý 2	44
6.3. Phụ lục số liệu ngành thủy sản.....	48

Danh mục hình trong báo cáo

Hình 1: Diễn biến giá gạo nguyên liệu tại An Giang từ 17/01/2011 – 09/04/2012	7
Hình 2: Diễn biến giá gạo thành phẩm tại Đồng Tháp từ 12/01/2011- 04/04/2012.....	7
Hình 3: Diễn biến giá xuất khẩu gạo 5% tấm Việt Nam và Thái Lan từ 18/02/2011 đến 06/04/2012	8
Hình 4: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo theo tháng 1/2011-3/2012.....	9
Hình 5: Giá ure Phú Mỹ và Ure Trung Quốc (Hoa) tại chợ Trần Xuân Soạn tháng 1-4/2012, Vnd/Kg	16
Hình 6: Chỉ số sản xuất và tiêu thụ ngành sản xuất phân bón và hợp chất Nitor (%).....	17
Hình 7: Chỉ số tồn kho ngành sản xuất phân bón và hợp chất Nitor (%).....	17
Hình 8: Lượng và kim ngạch nhập khẩu phân bón theo tháng, từ tháng 1/2011-3/2012.....	18
Hình 9: Lượng và kim ngạch xuất khẩu sản và các sản phẩm sản của Việt Nam năm 2011-2012 (nghìn tấn, triệu USD)	26
Hình 10: Tỷ trọng xuất khẩu sản lát và tinh bột sản của Việt Nam năm 2010-2012 (%)	27
Hình 11: Diễn biến giá ngô, lúa mỳ CBOT từ năm 2011-4/2012, USD/tấn.....	30
Hình 12: Diễn biến giá đậu tương, khô đậu tương CBOT từ năm 2011-4/2012, USD/tấn.....	31
Hình 13: Diễn biến giá ngô nội địa theo tuần, 1/2011-4/2011 (đồng/kg)	31
Hình 14: Kim ngạch nhập khẩu TACN và nguyên liệu (2011-3/2012) (triệu USD) (không bao gồm ngô, lúa mỳ và đậu tương)	32
Hình 15: Kim ngạch nhập khẩu ngô từ 2011-2/2012, triệu USD	32
Hình 16: Kim ngạch nhập khẩu lúa mỳ từ năm 2011-3/2012, triệu USD.....	33
Hình 17: Kim ngạch nhập khẩu đậu tương từ năm 2011-2/2012, triệu USD	33
Hình 18: Diễn biến giá cá tra An Giang (nghìn đồng/kg).....	41
Hình 19: Diễn biến giá tôm thẻ tại miền Trung và ĐBSCL năm 2011-2012 (VND/kg)	42
Hình 20: Lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2011-2012 (nghìn tấn, triệu USD)	42
Hình 21: Xuất khẩu cá tra của Việt Nam năm 2011-2012 (nghìn tấn, triệu USD).....	43
Hình 22: Xuất khẩu tôm của Việt Nam năm 2011-2012 (nghìn tấn, triệu USD).....	43
Hình 23: Kim ngạch nhập khẩu thủy sản Việt Nam theo tháng năm 2010-2011 (triệu USD).....	44

Danh mục bảng trong báo cáo

Bảng 1: Ma trận rủi ro các ngành.....	5
Bảng 2: Đánh giá mức độ rủi ro ngành lúa gạo	9
Bảng 3: Đánh giá mức độ rủi ro của ngành phân bón.....	19
Bảng 4: Một số chỉ tiêu thương mại ngành sắn.....	29
Bảng 5: Đánh giá mức độ rủi ro của ngành thức ăn chăn nuôi	34
Bảng 6: Đánh giá mức độ rủi ro của ngành thủy sản	44

Bảng trong phụ lục

Phụ lục 1: Một số chỉ tiêu thương mại ngành lúa gạo.....	12
Phụ lục 2: Một số chỉ tiêu về giá gạo	12
Phụ lục 3: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất tháng 2/2012, Triệu USD	13
Phụ lục 4: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất tháng 1/2012, Triệu USD	13
Phụ lục 5: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Quý 4/2011, Triệu USD	14
Phụ lục 6: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Quý 3/2011, Triệu USD	15
Phụ lục 7: Một số chỉ tiêu thương mại ngành phân bón	22
Phụ lục 8: Giá nhập khẩu một số chủng loại phân bón chính, USD/tấn	22
Phụ lục 9: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu phân bón lớn nhất tháng 2/2012, Triệu USD.....	22
Phụ lục 10: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu phân bón lớn nhất tháng 1/2012, Triệu USD	23
Phụ lục 11: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu phân bón lớn nhất Quý 4/2011, Triệu USD	24
Phụ lục 12: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu phân bón lớn nhất Quý 3/2011, Triệu USD	24
Phụ lục 13: Một số chỉ tiêu thương mại ngành thức ăn chăn nuôi.....	37
Phụ lục 14: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu TACN lớn nhất tháng 2/2012, triệu USD.....	37
Phụ lục 15: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu TACN lớn nhất tháng 1/2012, triệu USD.....	38
Phụ lục 16: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu TACN lớn nhất Quý 4/2011, triệu USD.....	38

Phụ lục 17: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu TACN lớn nhất Quý 3/2011, triệu USD.....	39
Phụ lục 18: Một số chỉ tiêu thương mại chính ngành thủy sản	48
Phụ lục 19: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản lớn nhất tháng 2/2012, Triệu USD.....	48
Phụ lục 20: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản lớn nhất tháng 1/2012	49
Phụ lục 21: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản lớn nhất Quý 3/2012, triệu USD	49
Phụ lục 22: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản lớn nhất Quý 4/2012, triệu USD	50

1. TRIỂN VỌNG RỦI RO CỦA CÁC NGÀNH

Bảng 1: Ma trận rủi ro các ngành

NGÀNH HÀNG	3/2012	Quý 2/2012
Lúa gạo	2,87	2,62
Phân bón	2,83	2,16
Sắn	2,50	2,50
Thức ăn chăn nuôi	2,80	3,00
Thủy sản – cá tra	3,00	3,60
Thủy sản - tôm	2,83	3,33

Ghi chú: mức độ rủi ro được cho theo thang điểm từ 1 đến 4 theo thứ tự: 1: THẤP; 2: TRUNG BÌNH; 3: CAO; 4: RẤT CAO

- Thị trường lúa gạo đang thoát ra khỏi giai đoạn đáy của Quý 4/2011 và Quý 1/2012 với lượng hàng tồn kho cao của nguyên liệu thu mua giá cao, giá chào xuất khẩu ảo, xuất khẩu trì trệ. Triển vọng kinh doanh của vụ Đông Xuân 2011-2012 có tín hiệu khả quan khi mặt bằng giá Việt Nam có khả năng cạnh tranh với Ấn Độ và Pakistan, xuất khẩu tăng lên. Tuy nhiên, lượng hợp đồng ký tăng mạnh có thể gây áp lực cho doanh nghiệp giao hàng đúng hạn trong Quý 2, có thể xảy ra tình trạng phá hoặc hủy hợp đồng. Mức độ rủi ro hiện nay của ngành là 2,87 điểm và sẽ có khả năng cải thiện lên mức 2,62 điểm trong Quý 2/2012
- Thị trường phân bón đang nóng lên trở lại sau khi đứng ở mức thấp của Quý IV/2011 và nửa đầu Quý I/2012 do nhu cầu thấp, lượng hàng tồn kho cao. Với xu hướng nhu cầu được cải thiện rõ rệt do yếu tố mùa vụ, cùng với tác động đi lên từ thị trường phân bón thế giới, thị trường phân bón trong nước nhiều khả năng sẽ duy trì mặt bằng giá đi lên xoay quanh biên độ hẹp ở mức hiện nay trong khoảng nửa đầu quý II/2012. Tuy nhiên, nửa cuối Quý II/2012, mặt bằng giá sẽ có thể “chững lại” hoặc suy giảm nhẹ khi nhu cầu mùa vụ ở mức thấp. Mức độ rủi ro hiện nay của ngành là 2,8 điểm và sẽ có khả năng cải thiện lên mức 2,2 điểm trong Quý II/2012.
- Thị trường sắn đang sôi động trở lại do nhu cầu thu mua từ Trung Quốc vẫn lớn. Giá sắn xuất khẩu của Việt Nam đang khá cạnh tranh so với Thái Lan. Nguồn cung sắn nội địa hiện đang tập trung phần lớn ở các kho đầu cơ do các doanh nghiệp thu mua sắn trong vụ đã xuất khẩu hết trong quý 1. AgroMonitor đánh giá, mức độ rủi ro trong quý 2 của doanh nghiệp sẽ ngang bằng như tháng 3/2012, bằng 2.5 điểm.

- *Trong tháng 3 và cả quý 1/2012, ngành TACN ở mức độ rủi ro ở ngưỡng cao do chăn nuôi gia súc, gia cầm bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thông tin chất cấm trong chăn nuôi và sự phá sản của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản. Sang quý 2, mức độ rủi ro của ngành được AgroMonitor đánh giá ở mức cao hơn - từ 2,8 lên 3,2 - do chịu tác động của các yếu tố nội tại (chăn nuôi tiếp tục bị ảnh hưởng bởi thông tin chất cấm, giá thành cá tra suy giảm làm giảm động lực của người nuôi...) và bên ngoài (giá nguyên liệu và chi phí vận chuyển tăng).*
- *Xuất khẩu thủy sản trong tháng 3 được đánh giá có nhiều rủi ro cho doanh nghiệp khi xuất khẩu sang EU - thị trường đầu ra lớn nhất vẫn ảm đạm, hàng loạt doanh nghiệp xuất khẩu lớn thua lỗ và phá sản, giá thành đầu ra bấp bênh và vấn đề dịch bệnh và thiếu vốn đầu tư gây suy giảm nguồn cung. Các nhân tố này sẽ tiếp tục chi phối kết quả xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong quý 2. Ngoài ra, sự gia tăng về giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cung cấp ảm đạm như khô đậu tương, bột cá, bột xương thịt gây áp lực về chi phí đầu vào cho doanh nghiệp. Do vậy, AgroMonitor dự báo, rủi ro trong quý 2 của doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, đặc biệt là doanh nghiệp xuất khẩu cá tra sẽ tăng từ mức 3 lên mức 3,6.*

2. NGÀNH LÚA GẠO

2.1. Cập nhật diễn biến thị trường lúa gạo

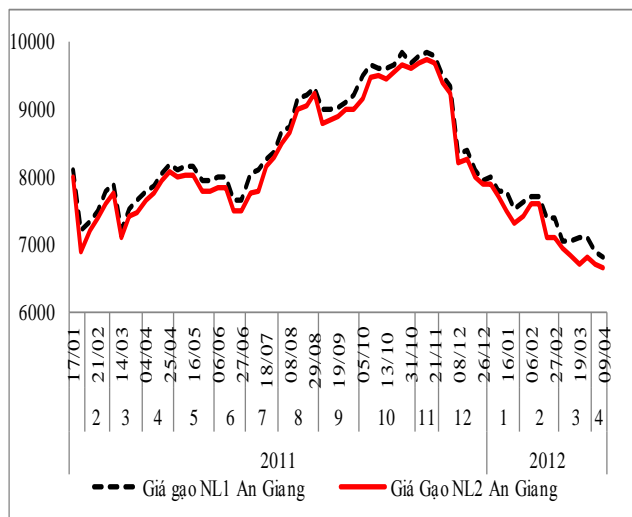
Giá nguyên liệu và thành phẩm đã bắt đầu giảm từ cuối tháng 11 và tiếp tục lao dốc trong các tháng đầu năm 2012 khi vụ Đông Xuân bước vào thu hoạch chính vụ kể từ cuối tháng 3.

Tại An Giang, nửa đầu tháng 4/2012 giá gạo nguyên liệu loại 1 ở mức 7.025 đồng/kg, giảm khoảng 60 đồng/kg so với tháng trước; gạo loại 2 ở mức 6.750 đồng/kg, giảm 112 đồng/kg so với giá trung bình tháng 3. So với cách đây một năm, gạo nguyên liệu loại 1 tại An Giang cũng đã giảm khoảng 11,8% với mức giảm 945 đồng/kg và gạo nguyên liệu loại 2 giảm 1.112 đồng/kg (14,1%).

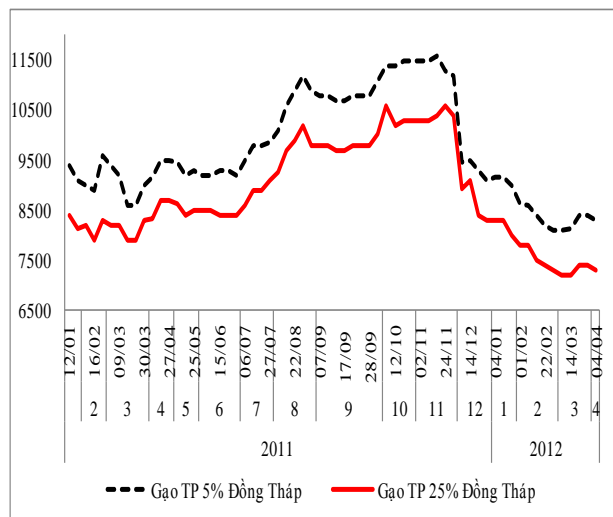
Cũng theo xu hướng trên, tại Đồng Tháp, gạo thành phẩm 5% ở mức trung bình 8.300 đồng/kg, tăng 38 đồng/kg so với tháng 3 nhưng vẫn giảm 130 đồng/kg so với trung bình tháng 2; gạo 25% ở mức 7.220 đồng/kg, giảm 35 đồng/kg so với tháng trước.

So với cách đây một năm, gạo thành phẩm tại Đồng Tháp cũng giảm khoảng 11,5% với mức giảm 1.083 đồng/kg với gạo 5% và 1.363 đồng/kg (15,8%) với gạo 25%.

Hình 1: Diễn biến giá gạo nguyên liệu tại An Giang từ 17/01/2011 – 09/04/2012



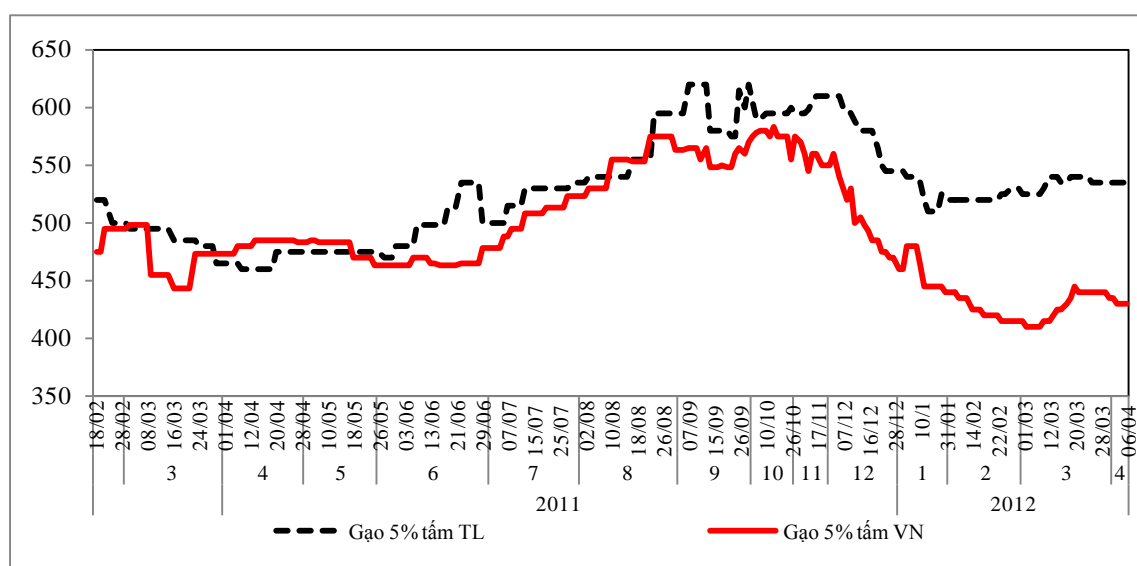
Hình 2: Diễn biến giá gạo thành phẩm tại Đồng Tháp từ 12/01/2011- 04/04/2012



Tính đến nửa đầu tháng 4 giá chào gạo xuất khẩu của Việt Nam đã tăng nhẹ so với 2 tháng trước đó.

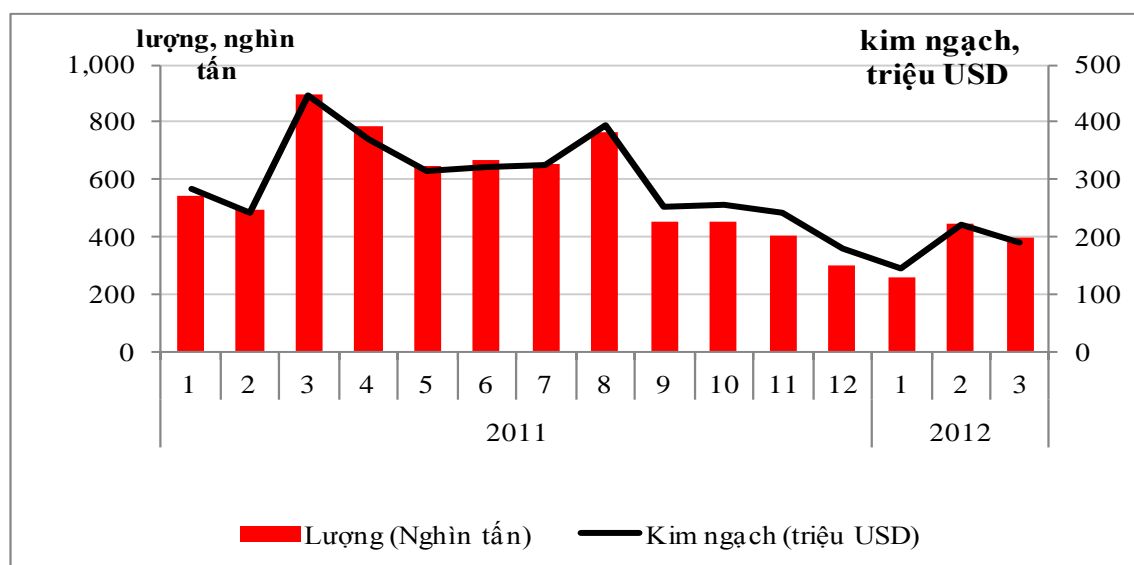
Gạo 5% trung bình ở mức 431 USD/tấn, tăng 3 USD/tấn so với tháng trước (tương ứng tăng 0,7%); gạo 25 ở mức 380 USD/tấn, tăng 2 USD/tấn so với tháng trước (tương ứng tăng 0,5%). Trong khi đó giá gạo 5% và gạo 25% của Thái Lan vẫn ổn định ở mức lần lượt 535 USD/tấn và 515 USD/tấn. Tuy nhiên so với trung bình tháng 2 thì gạo 5% và 25% của Thái cũng đã tăng lần lượt 4 USD/tấn và 13 USD/tấn.

Hình 3: Diễn biến giá xuất khẩu gạo 5% tằm Việt Nam và Thái Lan từ 18/02/2011 đến 06/04/2012



Xuất khẩu gạo Quý 1/2012 giảm mạnh so với cùng kỳ 2011. Số liệu Hải quan cho thấy lượng xuất khẩu gạo tháng 2 đạt 448 ngàn tấn, tăng 75% so với tháng trước tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước lượng xuất khẩu vẫn giảm 9,1%. Theo ước tính của Tổng cục Thống kê, xuất khẩu gạo tháng 3/2011 đạt 400 nghìn tấn, giảm 10% so với tháng trước và giảm 55% so với tháng 3/2011. Kim ngạch xuất khẩu gạo tháng 3 cũng được dự đoán giảm 13,5% so với tháng 3 xuống 190 triệu USD.

Trong khi đó, số liệu thống kê của Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) cho biết xuất khẩu gạo tháng 3 đạt 460.270 tấn, trị giá FOB 210,953 triệu USD, trị giá CIF 215,080 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2012 đạt 1,087 triệu tấn, trị giá FOB 529,859 triệu USD, trị giá CIF 547,461 triệu USD.

Hình 4: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo theo tháng 1/2011-3/2012

Nguồn: AgroMonitor tính toán từ số liệu Hải quan

2.2.Đánh giá mức độ rủi ro của ngành lúa gạo hiện tại và Quý 2/2012

Thị trường lúa gạo đang thoát ra khỏi giai đoạn đáy của Quý 4/2011 và Quý 1/2012 với lượng hàng tồn kho cao của nguyên liệu thu mua giá cao, giá chào xuất khẩu ảo, xuất khẩu trì trệ. Triển vọng kinh doanh của vụ Đông Xuân 2011-2012 có tín hiệu khả quan khi mặt bằng giá Việt Nam có khả năng cạnh tranh với Ấn Độ và Pakistan, xuất khẩu tăng lên. Tuy nhiên, lượng hợp đồng ký tăng mạnh có thể gây áp lực cho doanh nghiệp giao hàng đúng hạn trong Quý 2, có thể xảy ra tình trạng phá hoặc hủy hợp đồng. Mức độ rủi ro hiện nay của ngành là 2,87 điểm và sẽ có khả năng cải thiện lên mức 2,62 điểm trong Quý 2/2012

Bảng 2: Đánh giá mức độ rủi ro ngành lúa gạo

Nhân tố	3/2012	Quý 2/2012
Tồn kho cao chuyển từ Quý 4/2011 sang có xu hướng giảm	4	2
Chính sách giá sàn liên tục điều chỉnh	3	3
Năng lực giao hàng đúng theo hợp đồng	3	4
Giá xuất khẩu trở nên cạnh tranh	3	2
Xuất khẩu tăng trở lại khi giá Việt Nam trở nên cạnh tranh	3	2
Biến động của giá nguyên liệu	3	4
Cạnh tranh của Ấn Độ và Pakistan không còn gây áp lực lớn như cuối năm 2011	3	2

Thu mua tạm trữ giúp doanh nghiệp có lợi thế lớn để thu gom gạo vụ Đông Xuân giá rẻ	1	2
Toàn ngành	2.87	2.62

Ghi chú: mức độ rủi ro được cho theo thang điểm từ 1 đến 4 theo thứ tự: 1: THẤP; 2: TRUNG BÌNH; 3: CAO; 4: RẤT CAO

Tồn kho cao chuyển từ Quý 4/2011 sang đang có xu hướng giảm: Theo báo cáo của VFA vào ngày 29/2 khoảng 1 triệu tấn vào cuối tháng 2, tuy nhiên tồn kho chuyển từ cuối năm 2011 sang 2012 đang có xu hướng giảm vì nhu cầu mua của Trung Quốc đã tăng mạnh bao gồm cả chính ngạch và tiểu ngạch. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã thoát khỏi gánh nặng tồn kho với chi phí rất cao của lãi suất và giá mua đầu vào cao của cuối năm 2011. Cuối Quý 1 và triển vọng Quý 2, tồn kho của năm 2012 đang tăng do doanh nghiệp đang mua hàng vụ Đông Xuân 2011-2012, nhưng với mức giá mua đầu vào thấp hơn rất nhiều, giúp doanh nghiệp có thể tăng khả năng chào giá cạnh tranh.

Điều chỉnh giá sàn nhiều trong Quý 1 và dự kiến cả Quý 2 nhằm can thiệp thị trường về giá cũng như ký mới xuất khẩu ảnh hưởng khác nhau đến xuất khẩu gạo hợp đồng tập trung và thương mại. Trong các tháng 1 và 2, VFA đã điều chỉnh giá sàn xuất khẩu gạo nhiều lần nhằm can thiệp vào thị trường để giữ giá xuất khẩu không bị giảm sâu, song mức giá sàn cũng liên tục được điều chỉnh xuống để tránh không ký mới được xuất khẩu. Cuối Quý 1 và khả năng trong Quý 2, việc đàm phán với Philippines thúc đẩy VFA áp giá sàn khá cao so với mặt bằng thị trường, như ngày 6/3 áp giá sàn gạo xuất khẩu loại 5/25 ở mức 425/400 USD/tấn và 9/4 ở mức 450/425 USD/tấn đã làm giảm lượng hợp đồng ký thương mại. Tuy nhiên, chính sách này sẽ đem lại lợi ích cho Vinafood 2 và các thành viên VFA để ký được hợp đồng tập trung giá cao.

Lượng hàng giao trong Quý 2 nhiều sẽ gây áp lực lên nhiều doanh nghiệp có thể giao hàng đúng hạn. Cuối tháng 3 đầu tháng 4, lượng hàng giao đi Trung Quốc đang quá lớn dẫn đến quá tải cho hàng đi container, khiến phải chuyển một phần đi hàng tàu. Lượng hợp đồng ký lớn trong khi Quý 1 giao hàng mới được hơn 1 triệu tấn, nên sẽ dồn sang cho Quý 2 với dự kiến là 2 triệu tấn. Điều này có thể gây rủi ro với một số doanh nghiệp không có khả năng đáp ứng đúng tiến độ, cộng với diễn biến mạnh của giá nguyên liệu sẽ làm cho việc hủy bỏ hợp đồng diễn ra.

Giá xuất khẩu trở nên cạnh tranh và có xu hướng tăng trở lại sau khi giá Việt Nam đã giảm rất mạnh kể từ cuối năm 2011. Giá gạo 5% tấm trong tháng 3 còn ở mức 400-420 USD/tấn, thu hút các nhà nhập khẩu tăng mua gạo Việt Nam. Giá xuất khẩu cũng được cải thiện hơn khi có các tin tức tích cực từ các hợp đồng của Philippines cũng như lực mua mạnh của Trung Quốc. Triển

vọng giá xuất khẩu Quý 2 có nhiều khả năng thuận lợi hơn khi Trung Quốc và Philippines được dự kiến tiếp tục tăng mua, Indonesia quay trở lại đàm phán.

Xuất khẩu tăng trở lại khi giá Việt Nam trở nên cạnh tranh và lượng cung dồi dào từ vụ Đông Xuân: Đầu năm 2012, giao dịch xuất khẩu rất ảm đạm, tuy nhiên, khi giá giảm mạnh kể từ cuối tháng 2, hợp đồng ký xuất khẩu đã tăng rất mạnh. Đến giữa tháng 3 (khoảng ngày 15/3) các doanh nghiệp đã đăng ký hợp đồng xuất khẩu được khoảng 2,4 triệu tấn gạo, đến ngày 30/3 là 3,54 triệu tấn. Các tháng đầu năm Trung Quốc đã mua mạnh gạo Việt ước tính lên đến 500 ngàn tấn chính ngạch và khoảng 400-600 ngàn tấn tiểu ngạch. Giữa tháng 2 Vinafood 2 đã ký bán 150 ngàn tấn cho Malaysia và giữa tháng 3 ký bán 500 ngàn tấn cho Philippines. Nhiều khả năng, triển vọng xuất khẩu Quý 2 sẽ khả quan hơn nhiều so với Quý 1 do lượng hợp đồng ký mới tăng lên mạnh.

Giá nguyên liệu có thể biến động khi giao hàng mạnh trong Quý 2: Giá nguyên liệu biến động khá mạnh trong tháng 3 đã gây rủi ro với một số doanh nghiệp ký giá thấp ở mức 410-415 USD/tấn gạo 5% tằm. Hợp đồng ký xuất khẩu tăng mạnh trong tháng 3 sẽ làm cho giao hàng trong Quý 2 có thể tăng đột biến, điều này có thể làm cho giá nguyên liệu biến động mạnh, gây rủi ro cho các doanh nghiệp có ít hàng trong kho.

Cạnh tranh của Ấn Độ và Pakistan không còn gây áp lực lớn như cuối năm 2011. Khi mức giá của Việt Nam giảm mạnh, thậm chí thấp hơn mức giá của Ấn Độ và Pakistan thì khách hàng đang quay trở lại thị trường Việt Nam. Áp lực cạnh tranh của Ấn Độ và Pakistan sẽ tiếp tục duy trì cả trong Quý 2. Tuy nhiên, sức ép cạnh tranh giá rẻ từ Ấn Độ và Pakistan buộc ngành kinh doanh lúa gạo Việt Nam chấp nhận mặc bằng lợi nhuận tương đối thấp.

Chương trình thu mua tạm trừ 1,5 triệu tấn hỗ trợ lãi suất 0% là một can thiệp đem lại lợi ích rất quan trọng cho các thành viên của Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA). Đúng vào thời điểm vụ Đông Xuân khi thị trường trở nên sôi động, lượng cung lúa gạo của vụ mùa có chất lượng tốt nhất trong năm tăng lên khiến các nhà nhập khẩu gạo Việt Nam muốn mặc cả giá thấp để ký mua thì lực hỗ trợ tạm trừ từ 15/3 đến hết tháng 4 sẽ tạo cho doanh nghiệp cơ hội gom hàng với giá rẻ, tăng khả năng trừ hàng để thương lượng/tìm kiếm mức giá đem lại lợi nhuận.

2.3. Phụ lục số liệu ngành lúa gạo

Phụ lục 1: Một số chỉ tiêu thương mại ngành lúa gạo

Chỉ tiêu		Tháng 2/2012	Tháng 1/2012	Quý 4/2011	Quý 3/2011
Kim ngạch, (triệu USD)	Tổng	219.875	148.344	744.140	971.748
	Top 20 DN lớn nhất	172.648	137.004	657.265	706.374
	DN còn lại	47.227	11.340	86.875	265.374
	Số lượng DN	95	74	135	183
	Kim ngạch trung bình của Top 20 doanh nghiệp/tháng	2.314	2.005	1.837	1.770

Phụ lục 2: Một số chỉ tiêu về giá gạo

Chỉ tiêu		Tháng 2/2012	Tháng 1/2012	Quý 4/2011	Quý 3/2011
Giá gạo xuất khẩu trung bình, (USD/tấn)	Gạo 100% tấm	402	411	505	442
	Gạo 25% tấm	434	459	517	459
	Gạo 15% tấm	458	507	549	496
	Gạo 10% tấm	545	-	580	502
	Gạo 5% tấm	483	551	610	535
	Gạo nếp	582	610	649	661
	Gạo thơm	699	723	732	677
	Gạo giống Nhật	885	913	894	909
Giá gạo nguyên liệu An Giang (đồng/kg)	Gạo nguyên liệu loại 1	7565	7731	9398	8754
	Gạo nguyên liệu loại 2	7365	7606	9221	8593
Giá gạo thành phẩm Đồng Tháp (đồng/kg)	Gạo thành phẩm 5%	8430	9100	10794	11384
	Gạo thành phẩm 25%	7810	8347	9736	9501

Phụ lục 3: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất tháng 2/2012, Triệu USD

STT	Doanh nghiệp xuất khẩu	Kim ngạch, triệu USD
1	CT TNHH MTV -TCT Lương Thực Miền Nam	61.416
2	TCT lương thực miền Bắc	19.423
3	CT Lương thực Long An	14.014
4	CT CP Gentraco	9.042
5	CT TNHH TM Kiên An Phú	8.499
6	CT CP XNK Thuận Minh	6.456
7	CT TNHH Thịnh Phát	6.049
8	TCT TM Hà Nội	4.998
9	CN CT CP XNK và Hợp tác Đầu tư Vilexim	4.515
10	CT CP Tân Đồng Tiến	4.433
11	CT CP Lương Thực Bình Định	4.211
12	CT CP Hiệp Lợi	3.917
13	CT TNHH Lương Thực - Thực Phẩm Long An	3.796
14	CT CP hoá chất công nghiệp Tân Long	3.679
15	CT CP Kinh Doanh Nông Sản Kiên Giang	3.651
16	CT CP Nông Lâm Sản Kiên Giang	3.435
17	CT CP Đầu tư Vĩnh Phát	3.067
18	CT CP Docimexco	2.791
19	CT CP Chế Biến Và Kinh Doanh Lương Thực Việt Thành	2.684
20	CT CP Phú Hưng	2.563
	Tổng Top 20	172.639

Phụ lục 4: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất tháng 1/2012, Triệu USD

STT	Doanh nghiệp xuất khẩu	Kim ngạch, triệu USD
1	CT TNHH MTV-TCT Lương Thực Miền Nam	101.043
2	CT CP SX DV XNK Hà Nội	5.592
3	CT Lương thực Long An	5.130
4	CNCT CP XNK và Hợp tác Đầu tư Vilexim	4.706
5	CT CP XNK Thuận Minh	3.403
6	CT CP hoá chất công nghiệp Tân Long	2.575

7	CT TNHH Lương Thực Thuận Phát Kiên Giang	2.398
8	CT CP Chế Biến Và Kinh Doanh Lương Thực Việt Thành	1.764
9	CT CP Lương Thực Bình Định	1.377
10	CT TNHH Lương Thực-Thực Phẩm Long An	1.228
11	CT TNHH TM Kiên An Phú	930
12	CT TNHH Đầu Tư SX TM DV Phan Minh	852
13	CT TNHH chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu Tường Lân	839
14	CT CP XNK An Giang	806
15	CT CP Tân Đồng Tiến	788
16	CT CP Vật tư kỹ thuật Nông Nghiệp Cần Thơ	750
17	TCT TM Hà Nội	720
18	CT CP Gentraco	708
19	CT TNHH Ngũ Cốc Việt	697
20	CT TNHH Thịnh Phát	690
	Tổng Top 20	136.996

Phụ lục 5: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Quý 4/2011, Triệu USD

STT	Doanh nghiệp xuất khẩu	Kim ngạch, triệu USD
1	CT TNHH MTV - TCT LT Miền Nam	431.354
2	TCT LT Miền Nam- CT LT Vĩnh Long	72.339
3	CT LT Long An	22.061
4	TCT LT miền Bắc	16.378
5	CT CP Tân Đồng Tiến	15.355
6	CT TNHH Thịnh Phát	12.423
7	TCT LT miền Bắc	11.259
8	CT CP LT Bình Định	8.758
9	CT TNHH LT - Thực Phẩm Long An	7.137
10	CT CP Gentraco	6.804
11	CT CP XNK An Giang	6.632
12	CT CP Docimexco	6.528
13	CT LT Tiền Giang (TIEN GIANG FOOD COMPANY)	6.028
14	CT CP Quốc Tế Gia	5.453
15	CT TNHH Trung An	5.419

16	CT CP Mê Kông	5.311
17	HTX Thành Lợi	4.886
18	CT TNHH LT Thuận Phát Kiên Giang	4.536
19	CT CP Nông Lâm Sản Kiên Giang	4.513
20	CT TNHH SX - TM Thảo Minh Châu	4.083
	Tổng Top 20	657.257

Phụ lục 6: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Quý 3/2011, Triệu USD

STT	Doanh nghiệp xuất khẩu	Kim ngạch, triệu USD
1	CT TNHH MTV - TCT LT Miền Nam	356.185
2	TCT LT miền Bắc	75.584
3	CT LT Long An	29.566
4	CT CP Kinh Doanh Nông Sản Kiên Giang	22.439
5	CT TNHH MTV Du Lịch - TM Kiên Giang	20.550
6	CT TNHH LT Thuận Phát Kiên Giang	18.365
7	CT TNHH TM Kiên An Phú	17.235
8	CT CP XNK Vĩnh Long	16.640
9	CT TNHH ĐT SX TM DV Phan Minh	15.144
10	CT CP Gentraco	14.331
11	CT CP LT Bình Định	13.194
12	CN CT CP XNK Và HTĐT Vilexim	12.831
13	CT CP XNK An Giang	12.816
14	CT CP Quốc Tế Gia	12.809
15	CT LT Sông Hậu	12.570
16	CT CP Tân Đồng Tiến	12.310
17	CT TNHH Trung An	12.100
18	CT CP ĐT Vinh Phát	11.632
19	CT CP hoá chất công nghiệp Tân Long	10.810
20	CT CP LT Thực Phẩm Vĩnh Long	9.256
	Tổng Top 20	706.367

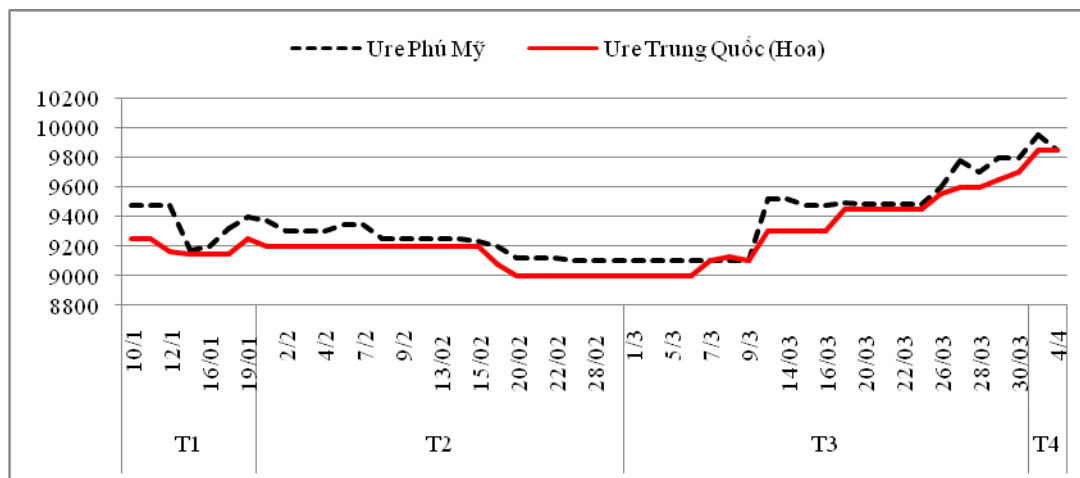
3. NGÀNH PHÂN BÓN

3.1. Cập nhật diễn biến thị trường phân bón

Thị trường phân bón trong nước khá ảm đạm từ cuối quý IV/2011 và kéo dài 2 tháng đầu năm 2012 bởi nhu cầu nội địa ở mức thấp, nguồn cung dồi dào. Tuy nhiên từ cuối tháng 3/2012, thị trường khởi sắc trở lại bởi nhu cầu trong nước gia tăng cho vụ Hè Thu và giá phân bón trên thị trường thế giới cũng tăng mạnh mẽ.

Trên thị trường thế giới, ure khá trầm lắng vào những tháng đầu năm 2012, nhưng từ nửa sau tháng 3 cho tới đầu tháng 4, giá ure đã bật tăng trở lại do được hỗ trợ phần lớn bởi nhu cầu tăng mạnh tại thị trường Mỹ cũng như các hồ sơ chào thầu từ Ấn Độ, Mexico, Srilanka. Ngoài ra, nguồn cung ure hạt trong đang có nguy cơ thiếu hụt so với nhu cầu tháng 4, tồn kho tại Baltic rất ít. Theo đó, chỉ từ trung tuần tháng 3 cho tới những ngày đầu tháng 4, giá ure tại một số khu vực đã tăng từ 30-50 USD/tấn.

Hình 5: Giá ure Phú Mỹ và Ure Trung Quốc (Hoa) tại chợ Trần Xuân Soạn tháng 1-4/2012, Vnd/Kg



Nguồn: CSDL Agromonitor

Ảnh hưởng một phần bởi sự gia tăng từ thị trường thế giới, thị trường phân bón nội địa cũng đã có sự chuyển biến tăng giá từ đầu tháng 3 cho đến nay. Sự chuyển biến này phần khác còn do nhu cầu từ vụ hè thu cũng như các cây công nghiệp tăng cao. Ngoài ra, là tác động từ hệ quả của bão số 1 vừa qua đã khiến cho nhu cầu phân bón tiếp tục gia tăng khi một số diện tích lúa Hè thu phải gieo sạ lại, cũng như “ách tắc” trong khâu vận chuyển. Phần nữa còn do tác động tổng hòa

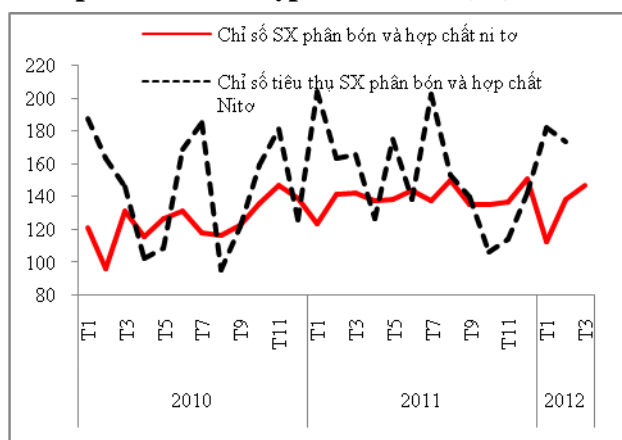
từ sự làm giá, giảm hàng, hàng về chậm, lượng hàng nhập khẩu suy giảm, sản xuất giảm, tồn kho cao...cũng đã góp phần ảnh hưởng lên thị trường phân bón hiện nay.

Quý I/2012, nguồn cung nhập khẩu phân bón suy giảm, sản xuất suy giảm nhưng tồn kho vẫn ở mức cao do nhu cầu tiêu thụ thấp. Tuy nhiên xu hướng này đang có sự dịch chuyển rõ rệt từ đầu tháng 4 và dự kiến trong Quý II/2012 sẽ theo hướng nhu cầu gia tăng mạnh mẽ, tồn kho theo chiều hướng suy giảm, sản xuất và nhập khẩu đang dần được cải thiện.

Tồn kho ngành phân bón trong quý I/2012 khá lớn. Chỉ số tồn kho ngành sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ trong quý mặc dù đang có xu hướng giảm bởi nhu cầu trong nước tăng nhưng vẫn ở mức rất cao so với cùng kỳ năm 2011. Chỉ số tồn kho ngày 1/3/2012 bằng 162,7% so với cùng kỳ năm 2011 (Tổng cục Thống kê).

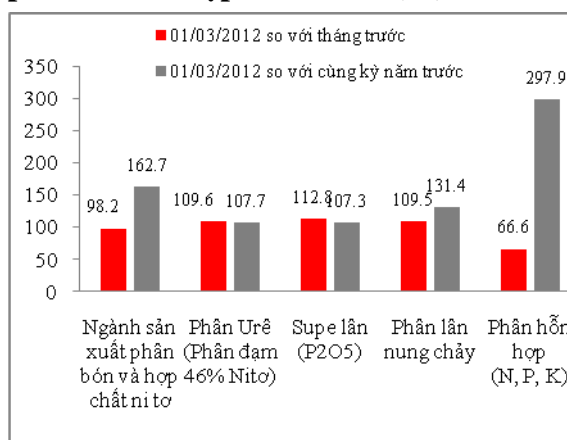
Sản xuất quý I/2012 lại có sự suy giảm, chỉ đạt 1,06 triệu tấn, giảm 9,2% so với cùng kỳ quý I/2011. Trong đó, NPK giảm mạnh nhất, giảm tới 28,7% (ở mức 332,1 nghìn tấn); Ure có mức giảm nhẹ hơn 2,5% (262,3 nghìn tấn) và Phân lân có mức giảm nhẹ nhất 0,9% (396,4 nghìn tấn). Tuy nhiên, riêng đối với Dap lại có sự tăng trưởng khá mạnh, tăng 60,3% (74,1 nghìn tấn) so với cùng kỳ quý I/2011 (Bộ Công Thương).

Hình 6: Chỉ số sản xuất và tiêu thụ ngành sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình 7: Chỉ số tồn kho ngành sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ (%)

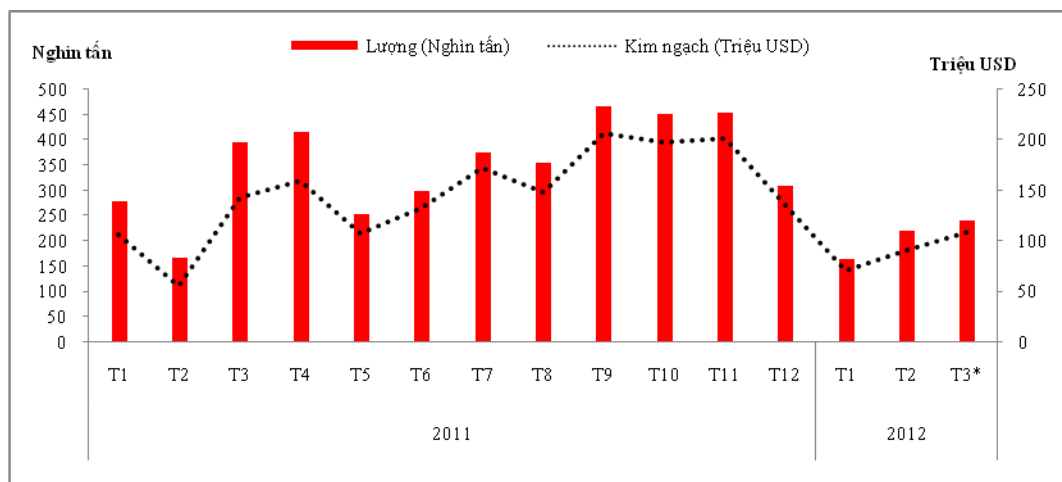


Nhập khẩu phân bón Quý I/2012 giảm mạnh so với cùng kỳ quý I/2011. Theo số liệu Tổng cục Hải quan, 2 tháng đầu năm 2012 nhập khẩu phân bón đạt 381,78 nghìn tấn giảm gần 14% so với cùng kỳ năm 2011. Tháng 3/2012, ước tính mới nhất từ Tổng cục Thống kê thì lượng nhập khẩu

mặc dù tăng nhẹ 9,4% so với tháng trước nhưng so với cùng kỳ tháng 3/2011 thì vẫn giảm 39%. Do vậy, tính chung quý I/2012, tổng lượng phân bón Việt Nam nhập khẩu chỉ đạt 621 nghìn tấn, giảm 25,8% so với cùng kỳ 2011.

Một điểm đáng lưu ý đó là, trong 2 tháng đầu năm 2012, nhập khẩu phân bón của Việt Nam từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Đài Loan, Hồng Kong tăng trưởng khá lớn trong khi Trung Quốc, Belarus, Philipin, Canada lại giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2011.

Hình 8: Lượng và kim ngạch nhập khẩu phân bón theo tháng, từ tháng 1/2011-3/2012



Nguồn: Agromonitor tính theo Tổng cục Hải quan

Tháng 3/2012: số liệu ước tính từ Tổng cục Thống kê

3.2.Đánh giá mức độ rủi ro của ngành phân bón hiện tại và triển vọng quý 2/2012

Thị trường phân bón đang nóng lên trở lại sau khi đứng ở mức thấp của Quý IV/2011 và nửa đầu Quý I/2012 do nhu cầu thấp, lượng hàng tồn kho cao. Với xu hướng nhu cầu được cải thiện rõ rệt do yếu tố mùa vụ, cùng với tác động đi lên từ thị trường phân bón thế giới, thị trường phân bón trong nước nhiều khả năng sẽ duy trì mặt bằng giá đi lên xoay quanh biên độ hẹp ở mức hiện nay trong khoảng nửa đầu quý II/2012. Tuy nhiên, nửa cuối Quý II/2012, mặt bằng giá sẽ có thể “chững lại” hoặc suy giảm nhẹ khi nhu cầu mùa vụ ở mức thấp. Mức độ rủi ro hiện nay của ngành là 2,8 điểm và sẽ có khả năng cải thiện lên mức 2,2 điểm trong Quý II/2012.

Bảng 3: Đánh giá mức độ rủi ro của ngành phân bón

Nhân tố	Tháng 3/2012	Quý 2/2012
Ảnh hưởng của thời tiết và mùa vụ: Nhu cầu thấp tại Quý I/2012 sẽ gia tăng mạnh trong Quý II/2012	3	2
Sản xuất thấp tại Quý I/2012 sẽ được cải thiện trong Quý II/2012.	3	2
Tồn kho cao trong Quý I/2012 đang có xu hướng giảm	3	2
Giá phân bón thế giới đảo chiều tăng trở lại từ nửa cuối Quý I/2012 cho đến nay	3	3
Giá phân bón nội địa từ nửa cuối Quý I/2012 liên tục theo chiều hướng tăng	3	3
Chính sách thuế xuất khẩu của Trung Quốc	2	1
Toàn ngành	2.83	2.16

Ghi chú: mức độ rủi ro được cho theo thang điểm từ 1 đến 4 theo thứ tự: 1: THẤP; 2: TRUNG BÌNH; 3: CAO; 4: RẤT CAO

2 tháng đầu năm 2012, nhu cầu thấp do tác động từ yếu tố mùa vụ và thời tiết đã duy trì thị trường phân bón ở mức thấp. Tuy nhiên, từ nửa cuối tháng 3, khi mới chuẩn bị vụ hè thu nhu cầu phân bón đã gia tăng một cách mạnh mẽ. Dự kiến, Quý II/2012, khi chính thức vào vụ hè thu, cùng với đó là các tác động khác từ thời tiết thì nhu cầu phân bón tiếp tục tăng mạnh.

Đối với vụ Đông xuân 2012 ở khu vực ĐBSCL thì nhu cầu phân bón ở mức thấp hơn mọi năm do phần nào hưởng lợi từ sự bồi đắp của phù sa của trận lụt lịch sử cuối năm 2011. Tuy nhiên, trong tháng 3/2012, nhu cầu phân bón chuẩn bị cho vụ hè thu tại ĐBSCL mặc dù mới vào đầu mùa vụ nhưng đã có sức nóng hơn rõ rệt. Cộng thêm với đó là nhu cầu phân bón cho các cây công nghiệp tại Tây Nguyên và Đông Nam Bộ gia tăng mạnh mẽ khi bắt đầu có những cơn mưa trái mùa. Những tác động này ngay lập tức tác động tới sự thay đổi về giá của thị trường phân bón. Ngoài ra, sự thay đổi bất thường của thời tiết như cơn bão số 1 vừa qua cũng khiến nhiều diện tích lúa hè thu phải gieo sạ lại, vận chuyển gặp khó khăn, tác động tới sự đi lên của giá phân bón. Dự kiến, trong quý 2, khi vụ hè thu chính thức bước vào vụ cao điểm, nhu cầu phân bón cho các cây công nghiệp ở mức cao hơn thì nhu cầu phân bón sẽ tiếp tục gia tăng một cách mạnh mẽ.

Chỉ số tồn kho ngành sản xuất phân bón đang ở mức cao và có thể sẽ được giảm bớt trong quý tới. Chỉ số tồn kho ngành sản xuất phân bón quý I/2012 đã ở mức rất cao so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân có thể do tổng nguồn cung năm 2011 tăng tới 24% so với năm 2010 đồng

thời nhu cầu quý I/2012 ở mức thấp mặc dù sản xuất và nhập khẩu quý I/2012 giảm 16% so với cùng kỳ năm 2011. Theo đó, giá phân bón nội địa cũng ở mức thấp trong 2 tháng đầu năm 2012 do nguồn cung dồi dào.

Tuy nhiên, cuối quý I, chỉ số tồn kho đang có xu hướng giảm bởi nhu cầu phân bón gia tăng. Chỉ số tồn kho ngành sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ ngày 1/3/2012 ở mức 98,2% so với tháng trước và 162,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý II/2012 chỉ số tồn kho ngành phân bón có thể giảm bởi doanh nghiệp sẽ đẩy mạnh lượng bán ra khi thị trường khi đang vào vụ cao điểm, giảm áp lực hàng tồn kho cũng như sự làm giá trên thị trường phân bón.

Sản xuất phân bón quý I đạt 1,06 triệu tấn, giảm 9,2% so với cùng kỳ năm 2011; trong đó, NPK giảm mạnh nhất, giảm tới 28,7% còn DAP lại tăng mạnh tới trên 60% so với quý I/2011. Trong quý II, sản lượng phân bón sẽ được cải thiện hơn khi nguồn cung sản xuất từ các nhà máy Đạm Cà Mau, Hà Bắc... duy trì tốt. Ngoài ra, lượng hàng còn được bổ sung từ nhà máy Đạm Cà Mau với các lô hàng tiếp tục được phân phối ra thị trường. Hơn nữa, có thể cuối quý II/2012, nhà máy Đạm Ninh Bình cũng có thể góp mặt trên thị trường.

Giá ure thế giới đảo chiều tăng trở lại trong nửa cuối quý I đã ngay lập tức tác động tới sự đi lên của giá phân bón nội địa. Cho đến thời điểm trung tuần tháng 4 mặt bằng giá ure thế giới và nội địa vẫn ở mức tăng. Tuy nhiên, dự kiến khoảng nửa cuối quý II/2012, giá phân bón thế giới có thể sẽ quay đầu suy giảm.

Giá ure thế giới sau khi liên tục suy giảm trong những tháng cuối năm 2011 đã tăng trở lại trong tháng 1 nhưng sau đó lại đi xuống trong nửa cuối tháng 2. Tuy nhiên sang tháng 3, giá ure thế giới đã liên tục được điều chỉnh gia tăng bởi sự đi lên của giá dầu mỏ cũng như ảnh hưởng bởi hồ sơ dự thầu với lượng ure lớn chưa xác định từ Ấn Độ cũng như từ một số nhà nhập khẩu khác như Mexico, Sri Lanka và sự đi lên từ thị trường ure Mỹ. Hiện nhiều đơn hàng tháng 4 vẫn tiếp tục gia tăng nhưng lại được điều chỉnh giảm mạnh trong các tháng tiếp theo bởi các đơn hàng ít.

Giá phân bón trong nước ngay khi có tín hiệu khởi sắc vào cuối quý I đã xảy ra hiện tượng khan hàng bởi sự găm hàng của nhiều đơn vị kinh doanh khiến giá lại tiếp tục được đẩy lên. Xu hướng giá cao như hiện nay sẽ duy trì trong khoảng nửa đầu quý II/2012 và sau đó nửa cuối quý II/2012 nhiều khả năng giá sẽ “chững lại” hoặc thậm chí có thể suy giảm nhẹ.

Giá phân bón trong nước tại thời điểm cuối quý 1 đã thoát khỏi tình trạng ảm đạm của quý 4/2011 và 2 tháng đầu năm 2012. Tuy nhiên khi giá bắt đầu có những tín hiệu khởi sắc vào nửa

cuối tháng 3 thì ngay lập tức đã xảy ra hiện tượng “khan hàng”, “hụt hàng” , nhiều doanh nghiệp găm hàng, cùng nhau làm giá đã xảy ra tại một vài thời điểm ở chợ đầu mối, góp phần không nhỏ vào sự gia tăng giá rất mạnh trong tháng 3. Hiện tượng khan hàng tại các đại lý cũng lác đác xảy ra khi nguồn hàng về chậm. Tại thời điểm này, các doanh nghiệp sản xuất và nhập khẩu đều đang được lợi về giá lên khá cao.

Tuy nhiên trong quý II/2012, thị trường sẽ khó có thể xảy ra hiện tượng găm hàng, làm giá như thời gian qua khi mà lượng hàng sản xuất và nhập khẩu đang được bổ sung rõ rệt. Lượng hàng Ure, Dap...tiêu ngạch cũng đang được gia tăng từ cảng Hải Phòng bằng sà lan và từ một số nguồn khác. Do vậy, ngay cả khi nhu cầu tăng cao mạnh mẽ, cùng với tác động từ thị trường thế giới thì giá phân bón nội địa cũng khó có thể tăng một cách “phi mã”, nhiều khả năng sẽ duy trì ở biên độ hẹp như tại thời điểm đầu quý II/2012 này. Thậm chí, nửa cuối quý II/2012, có thể giá sẽ chững lại hoặc thậm chí suy giảm nhẹ khi nhu cầu mùa vụ không còn. Nếu thị trường chuyển biến theo xu hướng trên thì các doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp nhập khẩu nếu hàng về không kịp đón đúng thời điểm nhu cầu thì lợi nhuận sẽ có sự suy giảm không được như mong đợi. Điều này nếu xảy ra có thể sẽ gây áp lực đối với các doanh nghiệp sử dụng vốn vay ngân hàng khi mà áp lực lãi suất, chi phí đầu vào vẫn đang tạo sức ép khá cao.

Chính sách thuế xuất khẩu của Trung Quốc: Chính sách mở cửa xuất khẩu năm 2012 bắt đầu từ cuối quý II/2012 nhiều khả năng sẽ đẩy mạnh nguồn hàng nhập khẩu của Việt Nam. Trung Quốc là quốc gia truyền thống đứng thứ 1 về xuất khẩu phân bón sang Việt Nam. Trong quý I/2012, Trung Quốc vẫn duy trì thời kỳ đóng cửa xuất khẩu (mức thuế xuất khẩu 110%). Tuy nhiên sang quý II, Trung Quốc đã bắt đầu thực hiện mở cửa xuất khẩu (mức thuế xuất khẩu 7%) với Dap, MAP từ tháng 6. Theo đó trong bối cảnh, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu Dap, MAP thì mức thuế thấp từ Trung Quốc cũng sẽ hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhập khẩu Việt Nam, gia tăng nguồn cung trong nước.

3.3. Phụ lục số liệu ngành phân bón

Phụ lục 7: Một số chỉ tiêu thương mại ngành phân bón

Chỉ tiêu		Tháng 2/2012	Tháng 1/2012	Quý 4/2011	Quý 3/2011
Kim ngạch, Triệu USD	Tổng	90,45	70,77	534,45	525,49
	Top 20 DN lớn nhất	72,11	61,41	351,78	351,26
	DN còn lại	18,34	9,36	182,67	174,23
	Số lượng DN	117	106	290	243
	Kim ngạch TB 1 doanh nghiệp	0,77	0,67	1,84	2,16

Phụ lục 8: Giá nhập khẩu một số chủng loại phân bón chính, USD/tấn

Chỉ tiêu		Tháng 2/2012	Tháng 1/2012	Quý 4/2011	Quý 3/2011
Giá nhập khẩu TB USD/tấn	SA	241	255	256	245
	DAP	581	620	619	626
	Kali	553	535	522	499
	Ure	399	418	436	375
	NPK	497	647	517	482

Phụ lục 9: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu phân bón lớn nhất tháng 2/2012, Triệu USD

Số TT	Doanh nghiệp	Kim ngạch
1	CT Phân Bón Việt Nhật	13,70
2	CT TNHH Hoa Phong	8,72
3	CT CP Vật Tư Nông Sản	7,32
4	CT CP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Bình Định	6,59
5	CT TNHH TM Tổng Hợp Nghĩa Anh	4,89
6	TCT công nghiệp hoá chất mỏ - Vinacomin	4,42
7	CT TNHH SX & TM Thiên Thành Lộc	3,88
8	CT KD Tổng Hợp VINACFE Quy Nhơn	3,03
9	CT CP Vinacam	3,02
10	CT CP vật tư kỹ thuật & phát triển TM Hoa Nam	2,58
11	CT TNHH TM XNK Khai Anh	1,60
12	DNTN Nguyễn Ngọc	1,57
13	DNTN Phú Lợi	1,56

14	CT TNHH Việt Hóa Nông	1,54
15	CT CP XNK Tiến Phước	1,48
16	CT TNHH Yara Việt Nam	1,46
17	CT CP Phân Bón Bình Điền	1,26
18	CT CP XNK Hà Anh	1,18
19	CT TNHH Anh Cường	1,17
20	CT TNHH Biên Hoà	1,13

Phụ lục 10: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu phân bón lớn nhất tháng 1/2012, Triệu USD

STT	Doanh nghiệp	Kim ngạch
1	CT CP Vật tư kỹ thuật Nông Nghiệp Cần Thơ	14,68
2	CT TNHH Baconco	7,45
3	CT CP Phân Bón Bình Điền	6,80
4	CT TNHH SX & TM Thiên Thành Lộc	4,71
5	CT CP Vật tư Nông nghiệp II Đà Nẵng	3,71
6	CT CP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Bình Định	3,38
7	CT TNHH Hoa Phong	2,85
8	CT TNHH TM Tổng Hợp Nghĩa Anh	2,25
9	TCT công nghiệp hoá chất mỏ - Vinacomin	2,09
10	CN TCT Phân Bón & Hóa Chất Dầu Khí	1,76
11	CT TNHH TM XNK Khai Anh	1,74
12	CT CP Voi vàng	1,62
13	CT CP vật tư DV Nông lâm nghiệp Kon Tum	1,56
14	CT Phân Bón Việt Nhật	1,53
15	CT CP Supe Phốt Phát & Hoá Chất Lâm Thao	1,42
16	CT CP Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai	1,38
17	CT CP Bảo Vệ Thực Vật An Giang	0,88
18	CT TNHH Anh Cường	0,58
19	CT TNHH Yara Việt Nam	0,57
20	CT TNHH Phân Bón Hữu Cơ GREENFIELD	0,44

Phụ lục 11: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu phân bón lớn nhất Quý 4/2011, Triệu USD

STT	Doanh nghiệp	Kim ngạch
1	CT CP XNK Hà Anh	59,47
2	CT TNHH Hoa phong	44,40
3	CT CP Vi Na Cam	40,43
4	CT CP vật tư nông sản	21,22
5	CT CP Phân Bón Miền Nam	18,33
6	CT CP Phân Bón Bình Điền	17,83
7	CT TNHH TM tổng hợp Nghĩa Anh	17,28
8	TCT Phân Bón & Hóa Chất Dầu Khí	16,76
9	CT phân bón Việt Nhật	13,78
10	CT TNHH SX & TM Thiên Thành Lộc	12,34
11	CT CP tập đoàn đầu tư Long Hải	11,48
12	CT CP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Bình Định	10,39
13	CT TNHH Hải Vân	9,60
14	DNTN Nguyên Ngọc	9,49
15	TCT công nghiệp hoá chất mỏ - Vinacomin	9,13
16	CT TNHH Baconco	8,36
17	CT CP Vinacam	7,98
18	CT TNHH SX DV & TM Huỳnh Thành	7,95
19	CT TNHH TM & vận tải Phúc Lộc	7,93
20	CT CP đầu tư - DV & TM Long Nhật	7,58

Phụ lục 12: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu phân bón lớn nhất Quý 3/2011, Triệu USD

STT	Doanh nghiệp	Kim ngạch
1	CT TNHH Hoa phong	43,89
2	CT CP vật tư nông sản	31,64
3	CT CP Phân Bón Bình Điền	28,16
4	CT phân bón Việt Nhật	27,62
5	CT TNHH SX & TM Thiên Thành Lộc	21,36
6	CT CP tập đoàn đầu tư Long Hải	20,74
7	CT CP XNK Hà Anh	20,14
8	CT CP Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai	17,51

9	CT CP Vi Na Cam	17,42
10	CT TNHH Nguyễn Phan	16,56
11	DNTN Nguyễn Ngọc	15,84
12	CT CP Vật tư kỹ thuật Nông Nghiệp Cần Thơ	13,85
13	CT TNHH Việt Hóa Nông	12,45
14	CT CP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Bình Định	12,18
15	CT TNHH Hải Vân	9,25
16	CT TNHH TM & vận tải Phúc Lộc	8,92
17	CT TNHH TM Mai Khôi	8,82
18	TCT Phân Bón & Hóa Chất Dầu Khí	8,65
19	CT TNHH Baconco	8,45
20	CT TNHH TM tổng hợp Nghĩa Anh	7,79

Nguồn: Agromonitor tổng hợp từ Tổng cục Hải quan.

4. NGÀNH SẴN

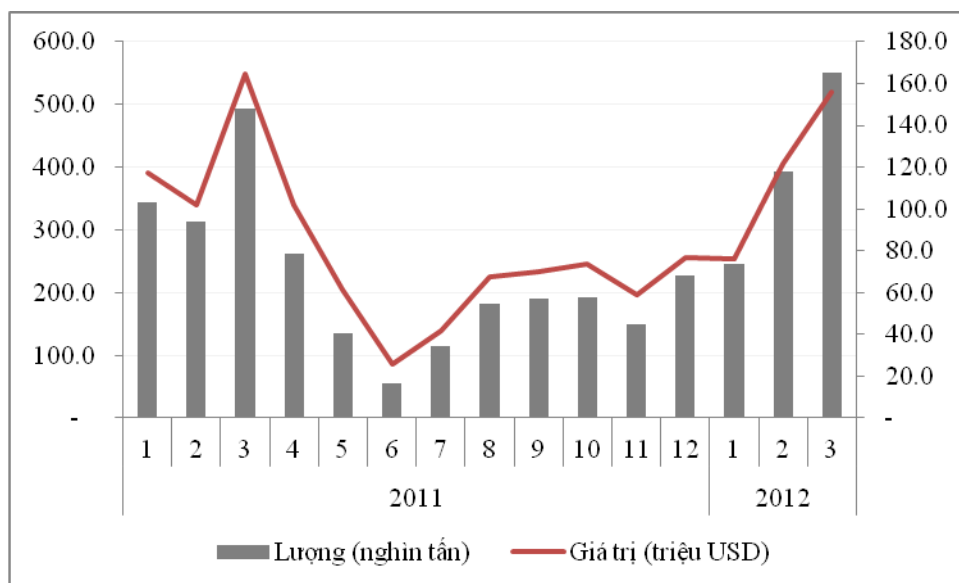
4.1. Cập nhật diễn biến thị trường ngành sắn

Giá sắn nội địa đang phục hồi do xuất khẩu khởi sắc hơn

Tại Quy Nhơn, giá sắn giao tại cảng trong tuần cuối tháng 3, đầu tháng 4 đã tăng khoảng 200-300 đồng/kg, lên mức 4.000-4.100 đồng/kg. Như vậy, sau hơn 1 tháng ổn định tại mức 3.700-3.800 đồng/kg, giá sắn tại Quy Nhơn đã bắt đầu có dấu hiệu hồi phục trở lại do xuất khẩu sắn lát khởi sắc hơn. Tại Đồng Nai, Bình Dương, giá sắn dùng cho xuất khẩu vẫn ổn định quanh mức 4000-4.200 đồng/kg.

Đối với kênh xuất khẩu, giá sắn chào tại cảng Quy Nhơn và TPHCM đang dao động từ 220-225 USD/tấn cho hàng giao tháng 4 và 223-228 USD/tấn cho hàng giao tháng 5.

Hình 9: Lượng và kim ngạch xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam năm 2011-2012 (nghìn tấn, triệu USD)



Nguồn: AgroMonitor, Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan.

Xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn trong quý 1 ước tăng nhẹ so với cùng kỳ 2011. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam trong quý 1 ước đạt 1,189 triệu tấn, với giá trị khoảng 354 triệu USD, tăng 109% về lượng và 68,8% về giá trị so với quý

trước đó. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước, giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong quý 1/2012 lại giảm nhẹ 7,7% mặc dù lượng xuất khẩu vẫn tăng 3,5% do giá xuất khẩu giảm.

Còn theo số liệu thống kê chính thức của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu sản và sản phẩm sản của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm đạt 639,4 nghìn tấn và 198 triệu USD, giảm nhẹ 2,5% lượng và 10% về giá trị so với cùng kỳ 2011.

Trong 2 tháng đầu năm 2012, xuất khẩu sản lát đạt 412 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 64,4% còn tinh bột sản đạt 222,4 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 34,8%. So với tỷ trọng cả năm 2010, 2011 thì xuất khẩu sản lát có xu hướng tăng về tỷ trọng còn xuất khẩu tinh bột sản giảm về tỷ trọng. Tuy nhiên, nếu so với cùng kỳ 2011, thì xuất khẩu tinh bột sản lại đang cho thấy xu hướng gia tăng khá mạnh về tỷ trọng khi tăng từ mức 24,8% trong 2 tháng đầu năm 2011 lên mức 34,8% trong 2 tháng đầu năm 2012.

Hình 10: Tỷ trọng xuất khẩu sản lát và tinh bột sản của Việt Nam năm 2010-2012 (%)

	2010	2011	2T 2011	2T 2012
Sản lát	56.8	60.0	75.2	64.4
Tinh bột sản	42.9	38.3	24.8	34.8
Khác	0.3	1.7	-	0.8

Nguồn: AgroMonitor, Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

4.2.Đánh giá mức độ rủi ro của ngành sản hiện tại và quý 2/2012

Thị trường sản đang sôi động trở lại do nhu cầu thu mua từ Trung Quốc vẫn lớn. Giá sản xuất khẩu của Việt Nam đang khá cạnh tranh so với Thái Lan. Nguồn cung sản nội địa hiện đang tập trung phần lớn ở các kho đầu cơ do các doanh nghiệp thu mua sản trong vụ đã xuất khẩu hết trong quý 1. AgroMonitor đánh giá, mức độ rủi ro trong quý 2 của doanh nghiệp sẽ ngang bằng như tháng 3/2012, bằng 2.5 điểm.

Nhân tố	3/2012	Quý 2/2012
Nguồn cung sản nội địa tập trung phần lớn ở các kho đầu cơ	2	3
Giá xuất khẩu cạnh tranh so với Thái Lan	3	2
Xuất khẩu tăng trở lại khi giá của Việt Nam trở nên cạnh tranh hơn	3	2
Biến động giá nguyên liệu nội địa	2	4

Nhu cầu nhập khẩu sản lát từ Trung Quốc và Hàn Quốc vẫn mạnh	2	2
Lượng sản từ Campuchia về Việt Nam tăng mạnh trong 2 tháng đầu năm	3	2
Toàn ngành	2.50	2.50

Ghi chú: mức độ rủi ro được cho theo thang điểm từ 1 đến 4 theo thứ tự: 1: THẤP; 2: TRUNG BÌNH; 3: CAO; 4: RẤT CAO

Thu hoạch sản chính vụ đã qua, nguồn cung sản nội địa hiện tập trung phần lớn ở các kho đầu cơ, kho thương mại: Các doanh nghiệp xuất khẩu đã đẩy mạnh thu gom hàng khi sản vào vụ thu hoạch chính. Tuy nhiên, sau quý 1, lượng sản còn trong kho hàng của doanh nghiệp là ít. Do vậy, nguồn cung sản nội địa hiện tập trung phần lớn ở các kho đầu cơ, kho thương mại. Trong bối cảnh lãi suất có xu hướng giảm, các kho đầu cơ sẽ không bị nhiều áp lực đẩy hàng ra bán bởi nhu cầu thu mua sản của các nhà máy TACN và thu mua sản cho xuất khẩu vẫn cao. Giá sản nhiều khả năng sẽ tăng mạnh trong quý 2, gây rủi ro cho doanh nghiệp khi lượng hàng có sẵn không còn nhiều.

Giá sản lát xuất khẩu của Việt Nam đang khá cạnh tranh so với Thái Lan: Trong tháng 1, giá xuất FOB của Việt Nam đạt trung bình 251 USD/tấn, trong khi của Thái Lan là 252 USD/tấn. Chênh lệch giá xuất FOB không đáng kể trong khi chi phí vận chuyển của Việt Nam cao hơn Thái Lan khiến cho sản Việt Nam khó cạnh tranh so với Thái Lan. Tuy nhiên, trong tháng 2 và tháng 3, giá xuất FOB của Việt Nam đã giảm khá mạnh (giảm tới 30 USD/tấn) đã giúp cho sản Việt Nam được mua nhiều hơn. Hiện giá xuất FOB của Việt Nam vào khoảng 220-225 USD/tấn, thấp hơn 5 USD/tấn so với giá của Thái Lan.

Giá xuất khẩu cạnh tranh hơn khiến cho xuất khẩu sản của Việt Nam tăng trở lại: Trong tháng 3 và những ngày đầu tháng 4, lượng sản xuất qua các cảng của TPHCM là khá lớn, tăng mạnh so với 2 tháng trước. Theo thống kê chưa đầy đủ của Tổng cục Hải quan, lượng xuất khẩu sản lát của Việt Nam trong tháng 3 đạt gần 300.000 tấn, tăng 23% so với tháng trước đó. Trong 10 ngày đầu tháng 4, đã có khoảng 45.000 tấn sản đăng ký xuất qua các cảng TPHCM.

Giá sản nguyên liệu nội địa có thể biến động mạnh trong quý 2. Trong tuần đầu tiên của tháng 4, giá sản nguyên liệu nội địa dao động trong khoảng từ 4.000-4.200 đồng/kg, rẻ hơn hoặc ngang bằng giá sản nhập từ Campuchia (khoảng 4.200 đồng/kg). Nhu cầu thu mua sản vẫn khá lớn trong khi nguồn cung không còn dồi dào có thể đẩy giá sản nguyên liệu nội địa tăng mạnh thêm 200-300 đồng, lên mức 4.500 đồng/kg trong quý 2.

Nhu cầu nhập khẩu sản lát từ Trung Quốc và Hàn Quốc vẫn mạnh: Việt Nam hiện là đối tác xuất khẩu sản lát lớn thứ 2 sang Trung Quốc, sau Thái Lan. Năm 2012, dự báo nhu cầu nhập khẩu sản lát của Trung Quốc vẫn mạnh nhằm đáp ứng cho ngành công nghiệp chế biến alcohol và ethanol. Ngoài Trung Quốc, trong 2 tháng đầu năm 2012, các doanh nghiệp Việt Nam cũng đang đẩy mạnh xuất khẩu sản lát sang Hàn Quốc. Theo đó, giá trị xuất khẩu sản lát của Việt Nam sang thị trường này 2 tháng đầu năm 2012 đạt 8,7 triệu USD, tăng 447,7% so với cùng kỳ 2011. Đây là một hướng đi đúng đắn của doanh nghiệp nhằm chủ động hơn về mặt thị trường khi có bất cứ biến cố nào xảy ra tại thị trường lớn nhất - thị trường Trung Quốc.

Lượng sản từ Campuchia về Việt Nam tăng mạnh trong 2 tháng đầu năm: Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, nhập khẩu sản lát từ Campuchia về Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2012 đã lên tới gần 61 triệu USD, tăng khoảng 63% (tương đương tăng 23,5 triệu USD) so với cùng kỳ 2011. Trong đó, riêng tháng 2/2012, kim ngạch nhập khẩu sản lát từ Campuchia đạt 37,8 triệu USD, tăng 65% so với tháng trước đó và tăng 145,3% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, kể từ tháng 3 trở lại đây, trước đà suy giảm của giá sản nguyên liệu nội địa, nhập khẩu sản lát từ Campuchia về dự kiến sẽ giảm. Hiện giá sản nội địa đang khá ngang bằng với giá sản nhập từ Campuchia.

4.3. Phụ lục số liệu ngành sản

Bảng 4: Một số chỉ tiêu thương mại ngành sản

	T2/2012	T1/2012	Quý 4/2011	Quý 3/2011
Kim ngạch XK sản và sản phẩm sản				
- Kim ngạch XK Sản lát				
- Kim ngạch XK Tinh bột sản				
Giá XK trung bình sản lát (USD/tấn)				
Giá XK trung bình tinh bột sản (USD/tấn)	409.10	412.70	457.66	512.94

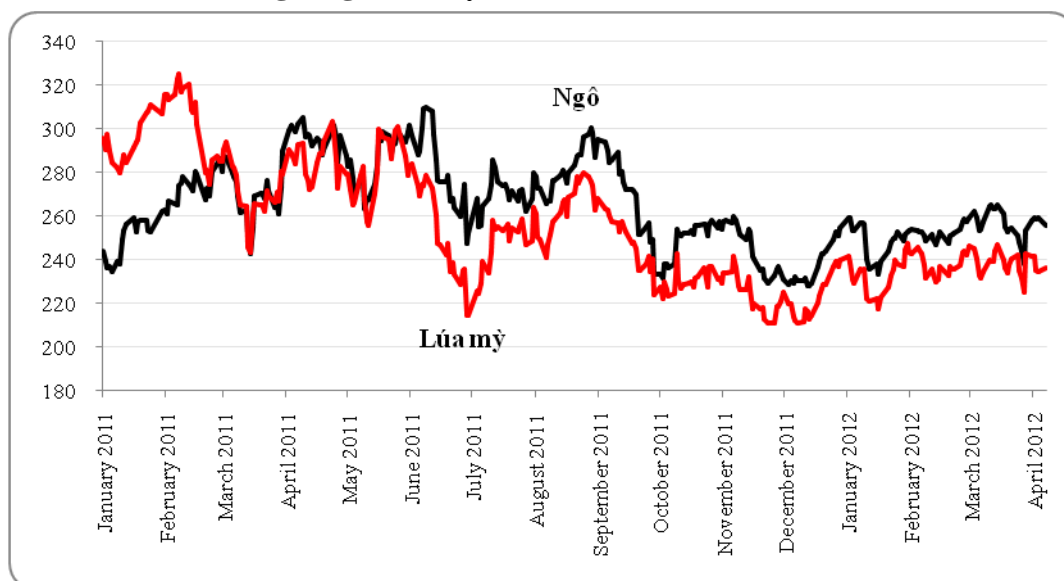
5. NGÀNH THỨC ĂN CHĂN NUÔI

5.1. Cập nhật diễn biến thị trường ngành thức ăn chăn nuôi

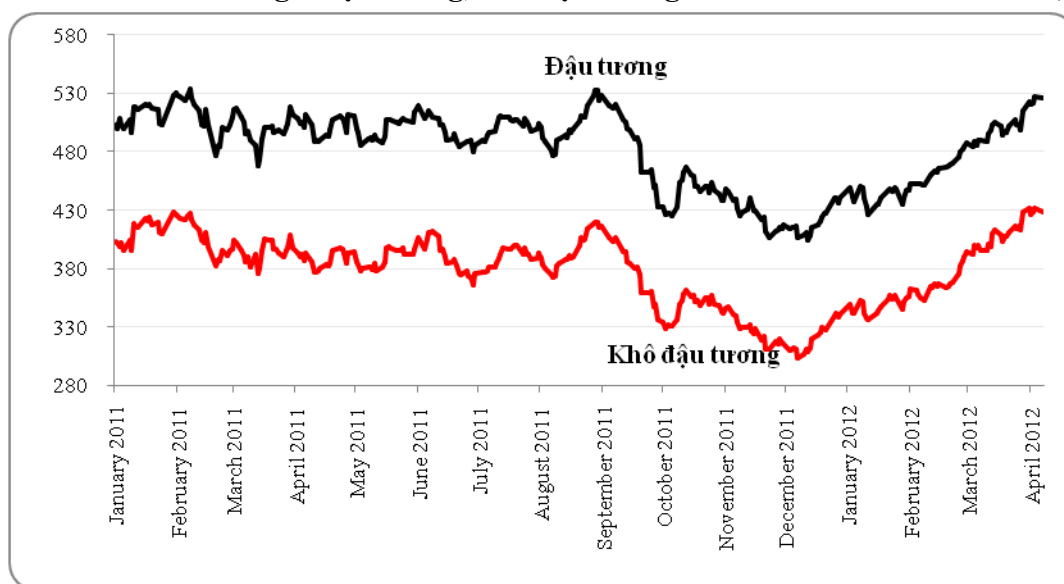
Giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tăng khá mạnh trong quý I/2012. Hiện tượng hạn hán đang xảy ra tại Nam Mỹ đang đe dọa sụt giảm nghiêm trọng nguồn cung đậu tương thế giới. Nguồn cung giảm trong khi nhu cầu lại tăng mạnh khiến cho giá mặt hàng này tăng liên tục trong các tháng đầu năm 2012. Tính đến nửa đầu tháng 4, giá đậu tương và khô đậu tương CBOT trung bình năm 2012 tương ứng đạt 472,18 USD/tấn và 378,23 USD/tấn, tăng lần lượt 12,4% và 17,9% so với tháng 12/2011.

Sự tăng điểm của thị trường đậu tương đã tạo đà kéo giá ngô và lúa mỳ CBOT tăng theo. Tính đến ngày 09/4, giá ngô và lúa mỳ CBOT đã tăng 6,7% và 6,3% so với tháng 12 năm ngoái, lên mức 252,94 USD/tấn và 236,55 USD/tấn.

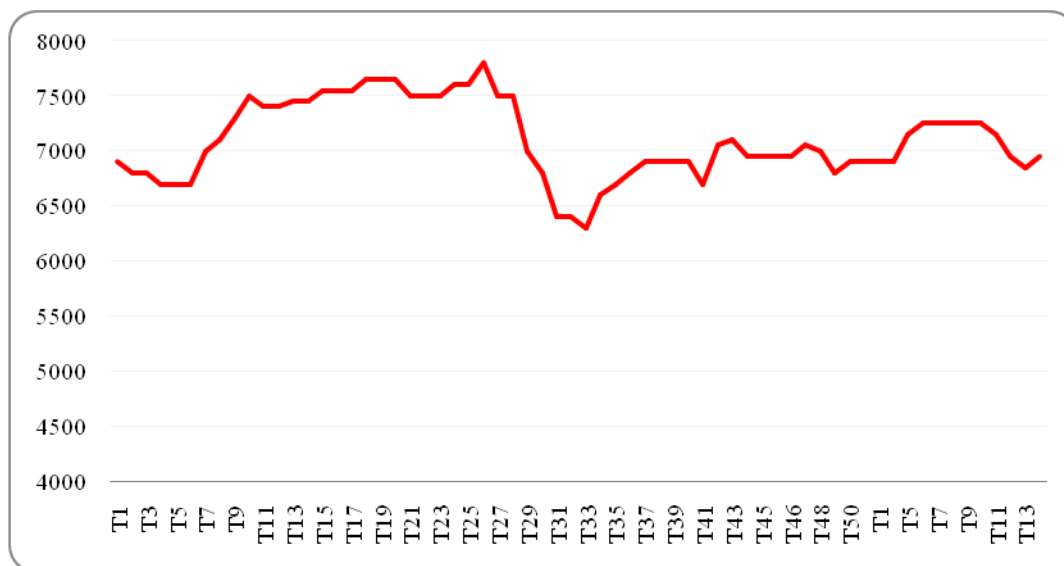
Hình 11: Diễn biến giá ngô, lúa mỳ CBOT từ năm 2011-4/2012, USD/tấn



Nguồn: CBOT

Hình 12: Diễn biến giá đậu tương, khô đậu tương CBOT từ năm 2011-4/2012, USD/tấn

Nguồn: CBOT

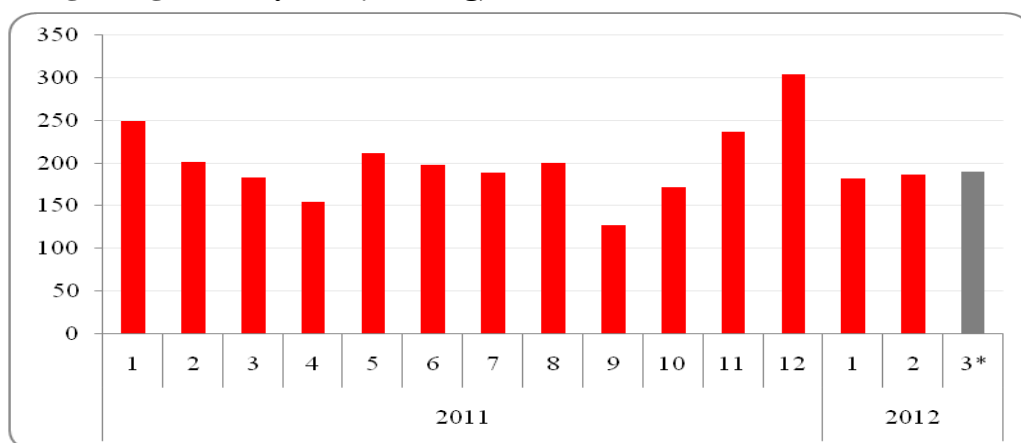
Hình 13: Diễn biến giá ngô nội địa theo tuần, 1/2011-4/2011 (đồng/kg)

Nguồn: CSDL AgroMonitor

Nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu (chưa bao gồm ngô, lúa mì, đậu tương) trong quý I/2012 giảm khá mạnh so với cùng kỳ năm 2011. Ước tính của Tổng cục Thống kê cho thấy, trong tháng 3, nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu (chưa bao gồm ngô, lúa mì, đậu tương) đạt 190 triệu USD, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của Việt Nam trong quý I/2012 đạt 557,4 triệu USD, giảm 21,8% so với quý trước và 12,1% so với cùng kỳ năm trước.

Còn theo số liệu công bố của Tổng cục Hải quan, thực tế trong tháng 2, kim ngạch nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu (bao gồm cả ngô, lúa mỳ và đậu tương) đạt 351 triệu USD. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2012, kim ngạch nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu đạt 744 triệu USD, tăng nhẹ 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu ngô đạt 69,2 triệu USD, giảm tới 41,2% so với cùng kỳ năm trước. Trái ngược với ngô, kim ngạch nhập khẩu lúa mỳ và đậu tương 2 tháng đầu năm tăng lần lượt 46,4% và 474,5% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng đạt 157,8 triệu USD và 149,6 triệu USD.

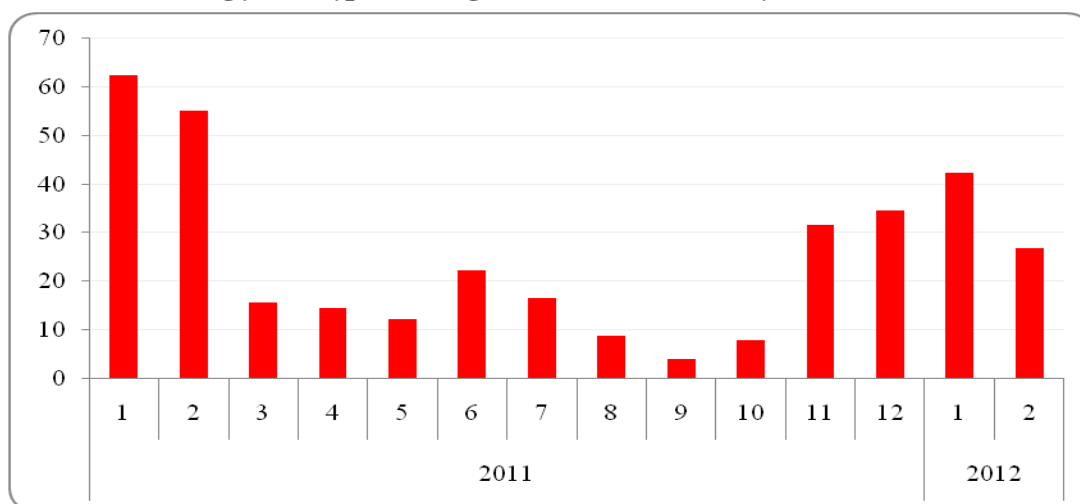
Hình 14: Kim ngạch nhập khẩu TACN và nguyên liệu (2011-3/2012) (triệu USD) (không bao gồm ngô, lúa mỳ và đậu tương)



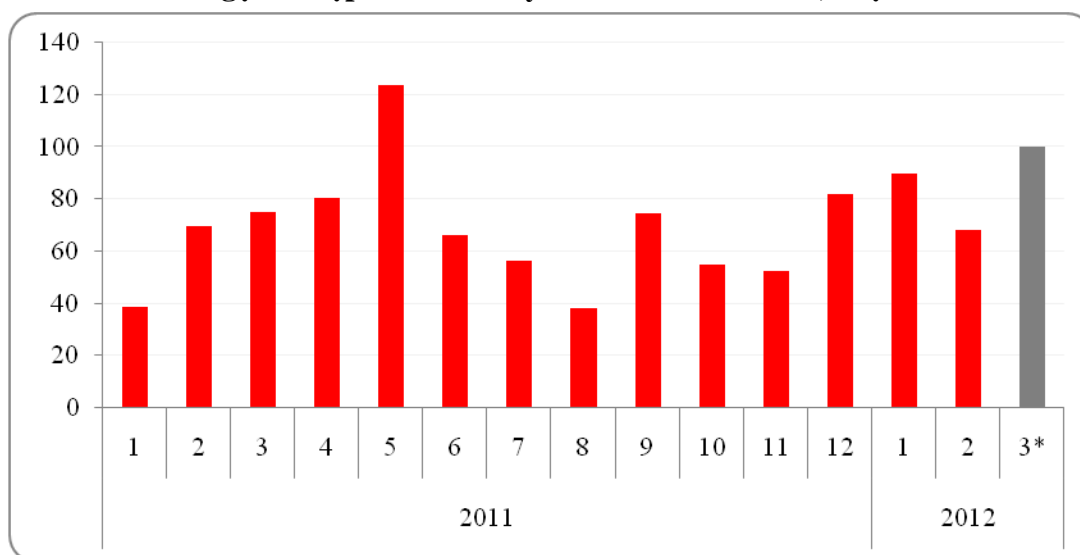
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

(Ghi chú: 3* là số liệu thống kê ước tính tháng 3 của Tổng cục Thống kê)

Hình 15: Kim ngạch nhập khẩu ngô từ 2011-2/2012, triệu USD

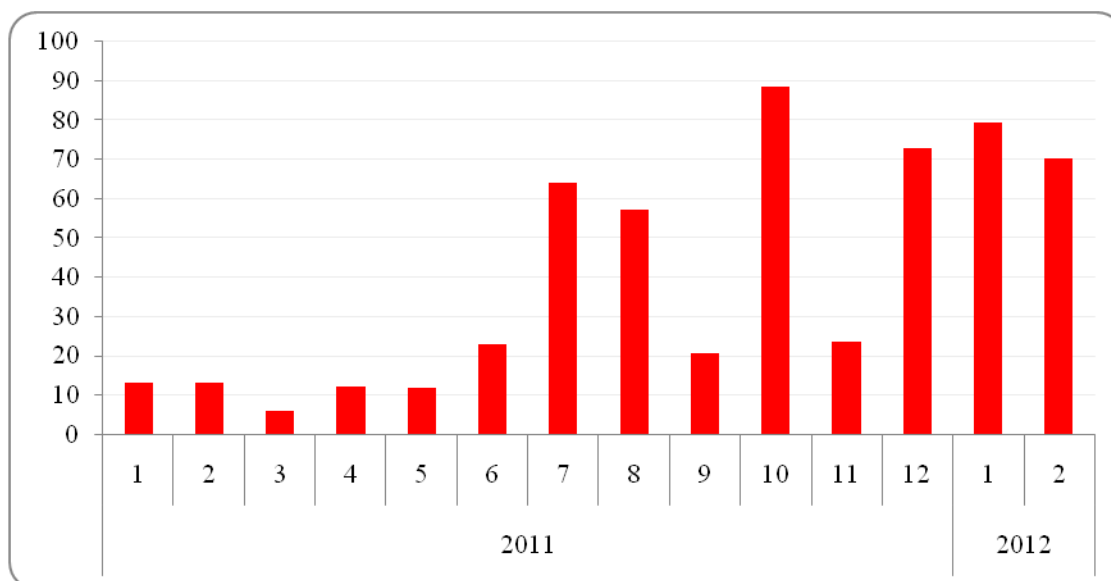


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hình 16: Kim ngạch nhập khẩu lúa mì từ năm 2011-3/2012, triệu USD

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

(Ghi chú: 3* là số liệu thống kê ước tính tháng 3 của Tổng cục thống kê)

Hình 17: Kim ngạch nhập khẩu đậu tương từ năm 2011-2/2012, triệu USD

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

5.2. Đánh giá mức độ rủi ro của ngành thức ăn chăn nuôi trong hiện tại và Quý 2/2012

Trong tháng 3 và cả quý 1/2012, ngành TACN ở mức độ rủi ro ở ngưỡng cao do chăn nuôi gia súc, gia cầm bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thông tin chất cấm trong chăn nuôi và sự phá sản của

các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản. Sang quý 2, mức độ rủi ro của ngành được AgroMonitor đánh giá ở mức cao hơn do chịu tác động của các yếu tố nội tại (chăn nuôi tiếp tục bị ảnh hưởng bởi thông tin chất cấm, giá thành cá tra suy giảm làm giảm động lực của người nuôi...) và bên ngoài (giá nguyên liệu và chi phí vận chuyển tăng).

Bảng 5: Đánh giá mức độ rủi ro của ngành thức ăn chăn nuôi

Nhân tố	3/2012	Quý 2/2012
Giá khô đậu tương thế giới tăng mạnh trong quý 1 và có thể kéo dài trong quý 2 tác động mạnh đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp	2	4
Giá cá tra suy giảm mạnh, ảnh hưởng đến động lực của người nuôi cá, tác động đến nhu cầu tiêu thụ TACN cho cá tra trong thời gian tới	3	4
Nguồn cung ngô nhập khẩu khá dồi dào nên giá ngô nội địa sẽ tiếp tục ổn định	2	2
Chăn nuôi lợn bị ảnh hưởng bởi thông tin chất cấm trong chăn nuôi	4	2
Dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và thủy sản ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ TACN	3	3
Toàn ngành	2.80	3.00

Ghi chú: mức độ rủi ro được cho theo thang điểm từ 1 đến 4 theo thứ tự: 1: THẤP; 2: TRUNG BÌNH; 3: CAO; 4: RẤT CAO

Giá khô đậu tương thế giới trong quý 1 đã tăng khá mạnh và có thể còn tiếp tục tăng trong quý 2, tác động mạnh đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, giá khô đậu tương nhập khẩu về cảng của Việt Nam trong tháng 2/2012 đạt trung bình 397 (USD/tấn), tăng 1,6% so với tháng trước. Giá khô đậu tương nhập khẩu về cảng bắt đầu có xu hướng tăng trở lại theo đà tăng của giá thế giới. Bởi sau khi giảm xuống đáy vào đầu tháng 1/2012 thì giá khô đậu tương thế giới đã quay đầu tăng khá mạnh mẽ do nguồn cung khô đậu tương tại Nam Mỹ bị thắt chặt.

Để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất, các doanh nghiệp TACN thường nhập khẩu trước đó từ 3-4 tháng, do vậy, lượng khô đậu tương và đậu tương về Việt Nam trong quý 1/2012 đã được ký mua từ quý 4/2011 - thời điểm giá khô đậu tương thế giới giảm sâu. Nguồn cung khô đậu tương nhập khẩu này sẽ được dùng để sản xuất cho quý 2/2012. Do vậy, với mức giá khô

đầu tương thế giới đang tăng cao trong tháng 3 và có thể kéo dài trong tháng 4 của quý 2 thì doanh nghiệp sẽ phải bỏ ra nhiều tiền hơn để nhập khẩu. Với những doanh nghiệp có vốn lớn, lượng ký mua vào thời điểm cuối năm 2011 lớn thì có thể tạm thời chưa nhập vội để nghe ngóng tình hình. Nhưng với những doanh nghiệp có vốn nhỏ thì vẫn bắt buộc phải nhập để đảm bảo sản xuất hoặc chuyển sang sử dụng nguyên liệu khác thay thế có giá rẻ hơn như khô dầu hạt cải hoặc khô dầu lạc.. Trong bối cảnh giá thành đầu ra của ngành chăn nuôi và thủy sản đang có những trời sụt thất thường thì việc giá nguyên liệu đầu vào của ngành TACN tăng cao sẽ là một rủi ro lớn cho các doanh nghiệp.

Giá cá tra suy giảm mạnh, ảnh hưởng đến động lực của người nuôi cá, tác động đến nhu cầu tiêu thụ TACN cho cá tra trong thời gian tới. Trong tuần cuối tháng 3 và đầu tháng 4, trước thông tin hàng loạt doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản làm ăn thua lỗ và phá sản, đỉnh điểm là doanh nghiệp Bianfishco chuyên về xuất khẩu cá tra bị thua lỗ lên tới vài nghìn tỷ đồng, giá cá tra tại ĐBSCL đã lao dốc khá mạnh. Từ mức 26.500 đồng/kg hồi giữa tháng 3, giá cá trong tuần đầu tháng 4 chỉ còn 23.000-24.000 đồng/kg. Sở dĩ giá cá giảm mạnh do nông dân lo sợ về những rủi ro về tiền nợ cá nên yêu cầu thanh toán luôn, dù lãi ít cũng bán. Ngoài ra, việc các ngân hàng thận trọng hơn khi cho các doanh nghiệp thủy sản vay vốn cũng khiến cho các doanh nghiệp thu mua cá chậm hơn do khó khăn về vốn, góp phần đẩy giá cá tra suy giảm. Hệ lụy của việc này có thể khiến cho nhiều hộ nuôi treo ao, gây sụt giảm mạnh về nhu cầu tiêu thụ TACN cho cá tra. Hơn nữa, trong bối cảnh giá thành đầu ra của nuôi cá tra giảm mạnh như vậy, các DN TACN cũng gặp khó khăn trong việc thu hồi vốn hoặc buộc phải giảm giá TACN thành phẩm.

Nguồn cung ngô nhập khẩu khá dồi dào nên giá ngô nội địa sẽ tiếp tục ổn định. Giá ngô nội địa trong quý 1/2012 ít biến động do vừa qua thu hoạch chính vụ, tồn kho của các nhà máy TACN vẫn lớn và nguồn cung ngô nhập khẩu về nhiều do các doanh nghiệp đã đẩy mạnh mua hàng trong bối cảnh giá ngô thế giới lao dốc vào quý 4/2011. Dự kiến, lượng ngô nhập khẩu về các cảng trong tháng 3 và tháng 4 tiếp tục mạnh do hàng nhập về cảng có độ trễ 3-4 tháng so với thời điểm đặt mua. Giá ngô quốc tế không có nhiều biến động lớn trong quý 1/2012 cùng với nguồn cung ngô nhập về thị trường nội địa lớn trong tháng 3 và tháng 4 sẽ giữ cho giá ngô nội địa trong quý 2 tiếp tục ổn định hoặc giảm nhẹ. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, vụ ngô năm 2012 được các tỉnh xuống giống muộn hơn do năm nhuận. Thu hoạch ngô vì vậy cũng sẽ được lùi lại. Các doanh nghiệp sẽ phải tính toán lại kế hoạch nhập khẩu để đảm bảo nguồn cung ngô cho sản xuất nội địa.

Chăn nuôi lợn bị ảnh hưởng bởi thông tin chất cấm trong chăn nuôi. Là ngành sử dụng chính TACN cho gia súc, nên việc chăn nuôi lợn thời gian qua bị ảnh hưởng bởi thông tin chất cấm

trong chăn nuôi đã tác động khá mạnh đến nhu cầu sử dụng TACN của ngành này. Sau một thời gian tạm lắng, giá thu mua heo hơi dần phục hồi trở lại thì trong 2 tuần trở lại đây, thông tin về chất cấm lại xuất hiện ngày càng nhiều, ở cả 2 miền Bắc, Nam đã khiến cho giá heo hơi lại quay đầu sụt giảm, sức mua chậm lại. Khi mà những thông tin cấm chưa được làm rõ ràng trong bối cảnh thị trường thịt bước vào mùa tiêu dùng chậm do thời tiết nắng nóng thì tiêu thụ TACN cho lợn sẽ suy giảm đáng kể do người chăn nuôi giảm đàn.

Dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và thủy sản ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ TACN. Trong quý 1, ngành chăn nuôi gia cầm bị thiệt hại khá nặng do ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm. Theo công bố của Tổng cục Thống kê, số lượng gia cầm mắc bệnh, chết và bị tiêu hủy trong quý 1/2012 vào khoảng 66,5 nghìn con, chiếm 0,02% tổng đàn, tức thiệt hại không đáng kể. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian cuối quý 1 và quý 2, cần hết sức cảnh giác với dịch lở mồm long móng và dịch lợn tai xanh vì đây là giai đoạn dịch hay bùng phát. Ngoài ra, tại các tỉnh nuôi tôm công nghiệp trọng điểm như Trà Vinh, Sóc Trăng, dịch bệnh trên tôm cũng đang có dấu hiệu lây lan rộng với mức độ thiệt hại có thể lên tới 50%, khiến cho các hộ nuôi phải thả nuôi lại. Vì vậy, vấn đề dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và thủy sản trong quý 2 sẽ có tác động rất lớn đến nhu cầu tiêu thụ TACN.

5.3. Phụ lục số liệu ngành thức ăn chăn nuôi

Phụ lục 13: Một số chỉ tiêu thương mại ngành thức ăn chăn nuôi

Chỉ tiêu		Tháng 2/2012	Tháng 1/2012	Quý 4/2011	Quý 3/2011
Kim ngạch (triệu USD)	Tổng	147,74	158,36	681,55	513,81
	Top 20 DN lớn nhất	82,01	80,29	308,93	274,67
	DN còn lại	65,73	78,06	372,63	239,14
	Số lượng DN	281	280	373	388
	Kim ngạch của 1 doanh nghiệp	0,53	0,57	1,83	1,32
Giá nhập khẩu TB (USD/tấn)	-Khô đậu tương	398	392	426	455
	-Lúa mỳ	308	314	330	367
	-Khô dầu hạt cải	245	258	245	257
	-Cám gạo trích ly	163	176	178	177

Phụ lục 14: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu TACN lớn nhất tháng 2/2012, triệu USD

Doanh nghiệp	Kim ngạch (triệu USD)
CT CP Chăn Nuôi C.P VN	29,50
CT TNHH UNI - PRESIDENT VN	4,44
CT TNHH Dinh Dưỡng á Châu (VN)	4,19
CT CP Tập Đoàn Dabaco VN	3,96
CT CP phát triển công nghệ Nông thôn	3,39
CT CP Hoá Chất Công Nghiệp Tân Long	3,37
CT TNHH TM - SX Trại Việt	3,07
CT CP Tập Đoàn Quang Minh	3,03
CT TNHH JAPFA COMFEED LONG AN	2,91
Cty TNHH Nguyên Liệu SX D.D.P	2,65
CT CP GREENFEED VN	2,57
CT TNHH Profeed VN	2,50
CT CP chăn nuôi C.P. VN- Chi nhánh Xuân Mai Hà Nội	2,48
CT TNHH SX và TM Sao Mai	2,32
CT CP Việt - Pháp SX TAGS	2,29

CT TNHH ANT (HN)	2,20
CT bột mỳ VINAFOOD 1	1,92
CT CP dinh dưỡng NN quốc tế - Chi nhánh Hà Nam	1,86
CTy TNHH TAGS Lái Thiêu	1,71
CT CP TM Ngân Hà	1,65

Phụ lục 15: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu TACN lớn nhất tháng 1/2012, triệu USD

Doanh nghiệp	Kim ngạch (triệu USD)
Tổng CT Tín Nghĩa	16,33
CT CP Chăn Nuôi C.P VN	8,10
CT CP Việt - Pháp SX TAGS	7,33
CT CP Tập Đoàn Quang Minh	6,54
CT CP GREENFEED VN	4,86
CT TNHH CJ VINA AGRI	3,88
CN Doanh nghiệp TN Cỏ May	3,64
CT CP Tập Đoàn Dabaco VN	3,28
CT TNHH TAGS Lái Thiêu	3,12
CT CP TACN Việt Thắng	2,56
CT TNHH Dinh Dưỡng á Châu (VN)	2,52
CT CP Dinh Dưỡng Hồng Hà	2,46
CT CP phát triển công nghệ Nông thôn	2,21
CT TNHH MTV vật tư & XNK hoá chất	2,13
CT bột mỳ VINAFOOD 1	2,02
CT TNHH Vina	2,01
CT TNHH TM - SX Trại Việt	2,01
CT TNHH UNI - PRESIDENT VN	1,95
CT CP Vĩnh Hoàn	1,81
CT CP chăn nuôi C.P. VN- CN Xuân Mai Hà Nội	1,54

Phụ lục 16: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu TACN lớn nhất Quý 4/2011, triệu USD

Doanh nghiệp	Kim ngạch (triệu USD)
CT CP chăn nuôi C.P VN	50,47
Tập đoàn Quang Minh	47,20

TCT Tín Nghĩa	25,73
CT CP Hùng Vương	21,13
Tập đoàn Dabaco VN	17,87
CT TNHH UNI - PRESIDENT VN	13,60
CT TNHH Cargill VN	12,58
CT TNHH TM - SX Trại Việt	11,72
CT TNHH Dinh Dưỡng á Châu (VN)	11,03
CT TNHH ANT (HN)	10,69
CT CP phát triển công nghệ Nông thôn	10,20
CT CP ĐTK	10,03
CT TNHH CJ VINA AGRI	9,77
CT TNHH Nguyên Liệu SX D.D.P	9,48
CT CP GREENFEED VN	8,96
CT CP XNK Tạp Phẩm	8,33
CT TNHH Grobest Industrial (VN)	8,32
CT TNHH TAGS Lái Thiêu	7,61
NM SX TAGS Proconco Đình vũ	7,10
CT TNHH TM Vic	7,10

Phụ lục 17: Top 20 doanh nghiệp nhập khẩu TACN lớn nhất Quý 3/2011, triệu USD

Doanh nghiệp	Kim ngạch (triệu USD)
Cty CP Chăn Nuôi C.P VN	51,18
Cty TNHH UNI - PRESIDENT VN	33,57
Cty TNHH Grobest Industrial (VN)	28,45
Cty CP Hùng Vương	18,32
Cty TNHH Cargill Việt Nam	13,67
Cty CP tập đoàn Quang Minh	11,12
Cty CP Dabaco Việt Nam	10,97
Cty TNHH TAGS Lái Thiêu	10,97
NM SX thức ăn gia súc Proconco Đình vũ	10,88
Cty TNHH Dinh Dưỡng á Châu (VN)	10,62
Cty TNHH Nguyên Liệu SX D.D.P	10,31
Cty TNHH TM - SX Trại Việt	9,60
Cty TNHH CJ VINA AGRI	8,55
Cty TNHH JAPFA COMFEED LONG AN	7,35

Cty CP Việt - Pháp SX TAGS	7,21
Cty CP ĐTK	6,91
Cty TNHH XNK Hà Vi	6,91
TCT Tín Nghĩa	6,75
Cty CP Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế	5,74
Cty CP XNK tạp phẩm	5,58

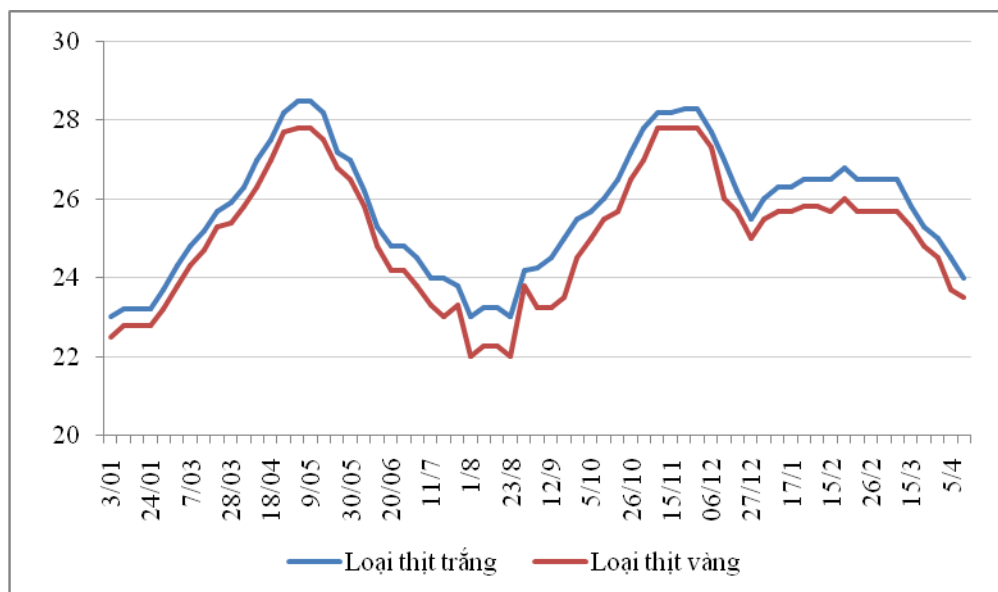
6. NGÀNH HÀNG THỦY SẢN

6.1. Cập nhật diễn biến thị trường

Diễn biến giá cá tra nguyên liệu trong nước

Việc một số doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn tại ĐBSCL bị thu lỗ, điển hình là vụ công ty thủy sản Bình An vừa qua đã khiến cho việc tiêu thụ cá của nông dân trở nên khó khăn hơn do các ngân hàng siết chặt tín dụng cho ngành thủy sản. Ngoài ra, trước bài học nhãn tiền về việc khó thu hồi nợ tiền cá tại Bình An nên người nuôi cá đã chọn cách lấy tiền luôn, chấp nhận lãi ít với mức giá bán cá thấp. Tính đến cuối tháng 3, giá cá tra ao thịt trắng tại An Giang chỉ còn khoảng 24.000 đồng/kg, giảm 2.000-3.000 đồng/kg so với mức giá tại tháng 2 và giảm 1.000 đồng/kg so với mức giá hồi đầu năm. Còn tại Cần Thơ, giá cá tra nguyên liệu loại 1 vào cuối tháng 3 còn được thu mua ở mức thấp hơn, dao động từ 22.000-23.000 đồng/kg.

Hình 18: Diễn biến giá cá tra An Giang (nghìn đồng/kg)



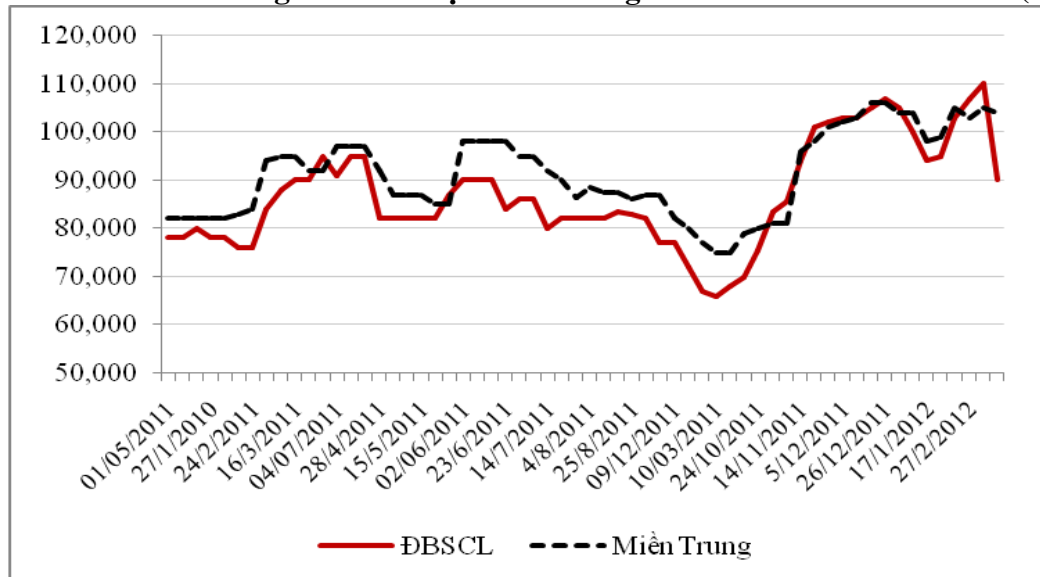
Nguồn: CSDL AgroMonitor

Diễn biến giá tôm trong nước

Trong tháng 3, giá tôm thẻ chân trắng tại khu vực miền Trung và ĐBSCL tiếp tục giữ xu hướng ổn định hoặc tăng nhẹ so với tháng trước, dao động từ 100.000-105.000 đồng/kg. Giá tôm sú loại 40 con/kg tại ĐBSCL cũng trong xu hướng ổn định, dao động từ 190.000-200.000 đồng/kg. Tuy

nhien, so với cùng kỳ năm trước, giá tôm thẻ và tôm sú nguyên liệu trong tháng 3 đã tăng lần lượt 10.000 đồng/kg và 50.000 đồng/kg.

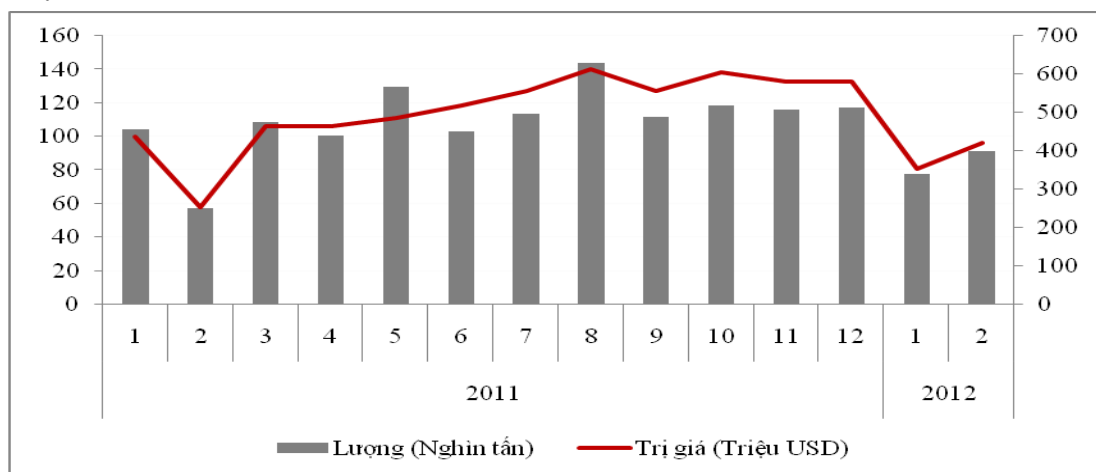
Hình 19: Diễn biến giá tôm thẻ tại miền Trung và ĐBSCL năm 2011-2012 (VND/kg)



Nguồn: CSDL AgroMonitor

Xuất khẩu thủy sản quý 1 theo ước tính của Tổng cục Thống kê đạt khoảng 1,265 tỷ USD, tăng 11,7% so với cùng kỳ 2011. Còn theo số liệu thống kê thực tế từ Tổng cục Hải quan, 2 tháng đầu năm 2012, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 775 triệu USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2011.

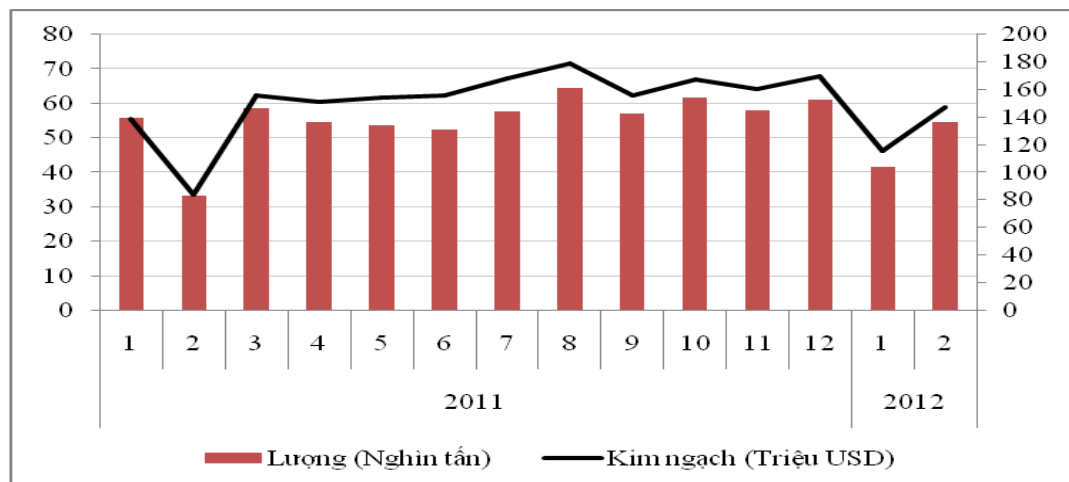
Hình 20: Lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2011-2012 (nghìn tấn, triệu USD)



Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

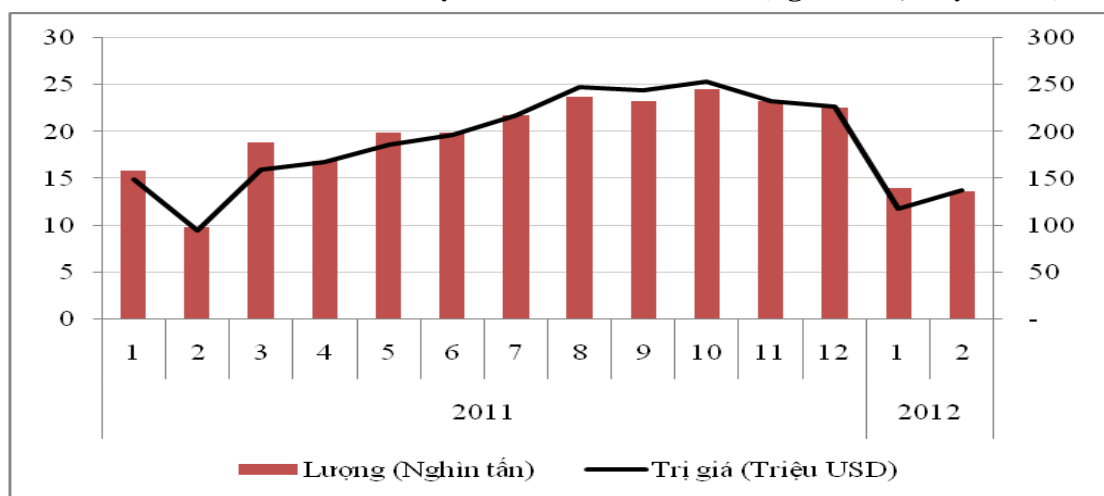
Về chủng loại xuất khẩu, 2 tháng đầu năm 2012, xuất khẩu cá tra đạt gần 263 triệu USD, tăng khoảng 18% so với cùng kỳ 2011. Với kết quả này, cá tra đã vượt qua tôm trở thành mặt hàng thủy sản có thị phần kim ngạch lớn nhất (tôm 256 triệu USD). Ngoại trừ đầu ra châu Âu sụt giảm, xuất khẩu sang châu Mỹ và châu Á vẫn rất khả quan. Trong khi đó, do thị trường EU sụt giảm mạnh và xuất khẩu sang Mỹ có dấu hiệu chậm lại nên xuất khẩu tôm của Việt Nam 2 tháng đầu năm 2012 chỉ đạt 256 triệu USD, tăng nhẹ 5% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 21: Xuất khẩu cá tra của Việt Nam năm 2011-2012 (nghìn tấn, triệu USD)



Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục hải quan

Hình 22: Xuất khẩu tôm của Việt Nam năm 2011-2012 (nghìn tấn, triệu USD)

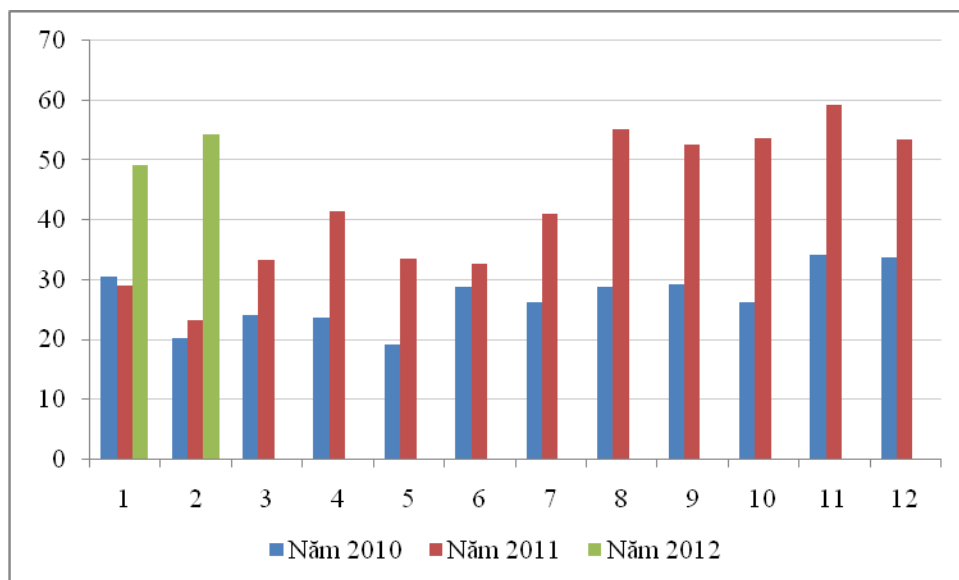


Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kim ngạch nhập khẩu thủy sản tháng 2 tháng đầu năm 2012 đạt 103,4 triệu USD. Hai tháng đầu năm 2012, tình hình nguồn cung không vẫn rất khan hiếm đối với nhiều mặt hàng như tôm,

nhuyễn thể và một số loại cá dùng cho chế biến, phi lê..., dẫn đến nhập khẩu các loại nguyên liệu này tiếp tục tăng mạnh. Theo Tổng cục Hải Quan, kim ngạch nhập khẩu thủy sản tháng 2 tháng đầu năm 2012 đạt 103,4 triệu USD, tăng mạnh 74,1% so với cùng kỳ năm 2011. Với con số ước tính 64 triệu USD chỉ cho nhập khẩu thủy sản trong tháng 3/2012 thì nhập khẩu thủy sản quý 1 của Việt Nam đã lên tới gần 170 triệu USD.

Hình 23: Kim ngạch nhập khẩu thủy sản Việt Nam theo tháng năm 2010-2011 (triệu USD)



Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

6.2.Đánh giá mức độ rủi ro của ngành thủy sản hiện tại và Quý 2

Xuất khẩu thủy sản trong tháng 3 được đánh giá có nhiều rủi ro cho doanh nghiệp khi xuất khẩu sang EU - thị trường đầu ra lớn nhất vẫn ảm đạm, hàng loạt doanh nghiệp xuất khẩu lớn thua lỗ và phá sản, giá thành đầu ra bấp bênh và vấn đề dịch bệnh và thiếu vốn đầu tư gây suy giảm nguồn cung. Các nhân tố này sẽ tiếp tục chi phối kết quả xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong quý 2. Ngoài ra, sự gia tăng về giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cung cấp đậm như khô đậu tương, bột cá, bột xương thịt gây áp lực về chi phí đầu vào cho doanh nghiệp. Do vậy, AgroMonitor dự báo, rủi ro trong quý 2 của doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, đặc biệt là doanh nghiệp xuất khẩu cá tra sẽ lớn hơn so với tháng 3.

Bảng 6: Đánh giá mức độ rủi ro của ngành thủy sản

Ngành	Nhân tố	Tháng 3	Quý 2
Cá tra	Xuất khẩu cá tra sang EU sụt giảm mạnh	4	4

	Các doanh nghiệp thiếu vốn để mua nguyên liệu và đầu tư vùng nuôi, gây rủi ro về nguồn cung nguyên liệu	4	4
	Giá cá tra trong nước suy giảm mạnh gây áp lực nên giá xuất khẩu	3	4
	Giá nguyên liệu đầu vào cho nuôi cá tra tăng mạnh	2	4
	Xuất khẩu sang Mỹ vẫn tăng trưởng tốt và cơ hội từ việc Mỹ giảm thuế chống bán phá cho cá tra Việt Nam	2	2
	Toàn ngành	3.00	3.60
Tôm	Xuất khẩu tôm sang EU sụt mạnh	4	4
	Dịch bệnh và thiếu vốn gây suy giảm nguồn cung	3	4
	Giá nguyên liệu đầu vào cho nuôi tôm tăng mạnh	2	4
	Cạnh tranh từ Thái Lan, Indonesia, Trung Quốc và Ấn Độ	3	3
	Kinh tế thế giới vẫn tăng trưởng chậm	3	3
	Xuất khẩu tôm sang Mỹ, Nhật, Asean và Trung Quốc vẫn tốt	2	2
	Toàn ngành	2.83	3.33

Đối với xuất khẩu cá tra

Xuất khẩu cá tra sang EU sụt giảm mạnh: Theo số liệu của Hiệp hội thủy sản Việt Nam, xuất khẩu cá tra sang EU trong quý 1 chỉ đạt 112,6 triệu USD, giảm 12,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Đức và Hà Lan - 2 thị trường lớn thứ 2 và thứ 3 thuộc khối này giảm lần lượt 37,2% và 17,5%. Tây Ban Nha - thị trường xuất khẩu cá tra lớn nhất thuộc EU cũng đang bên bờ vực khủng hoảng nợ công giống Hi Lạp. Xuất khẩu cá tra sang thị trường này trong quý 1 tuy vẫn tăng so với cùng kỳ 2011 nhưng mức tăng trưởng là khá thấp, chỉ với 5,4%. Sang quý 2, theo dự báo của nhiều tổ chức kinh tế lớn, tăng trưởng kinh tế khu vực EU nói riêng và thế giới nói chung vẫn rất chậm chạp. Do vậy, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang khu vực này sẽ còn suy giảm. Theo đánh giá của doanh nghiệp, phải sang đến năm 2013, xuất khẩu cá tra sang EU mới phục hồi trở lại.

Các doanh nghiệp thiếu vốn để mua nguyên liệu và đầu tư vùng nuôi, gây rủi ro về nguồn cung nguyên liệu: Tình trạng vỡ nợ của một số doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản lớn đã và đang gây ra nhiều hệ lụy cho thị trường. Các ngân hàng siết tín dụng cho ngành thủy sản do lo ngại rủi ro, nông dân không cho nợ tiền cá. Trước tình trạng này, các doanh nghiệp thủy sản vừa thiếu tiền để mua nguyên liệu cá trong dân, vừa thiếu vốn để đầu tư vùng nuôi khi nông dân treo ao hàng loạt. Theo kế hoạch đề ra của Vasep, năm 2012 sản lượng cá tra nguyên liệu sẽ đạt khoảng 1,24

triệu tấn. Tuy nhiên, với tình hình siết chặt tín dụng thì sản lượng cá tra năm 2012 nhiều khả năng sẽ không đạt như kế hoạch mà chỉ dừng lại ở con số 1,2 triệu tấn. Tình trạng thiếu vốn của doanh nghiệp sẽ còn tiếp tục trong quý 2, gây rủi ro lớn cho nguồn cung nguyên liệu chế biến xuất khẩu.

Giá cá tra trong nước suy giảm mạnh, gây sức ép nên giá xuất khẩu: Trong những ngày cuối tháng 3 và đầu tháng 4, giá cá tra trong nước đã liên tục lao dốc, chỉ còn dao động ở mức 22.000-23.000 đồng/kg. Việc giá cá nguyên liệu trong nước giảm sẽ là cơ sở để các nhà nhập khẩu gây sức ép cho các doanh nghiệp trong nước giảm giá xuất khẩu. Ngoài ra, một số doanh nghiệp trong ngành cũng lợi dụng tình trạng này để giảm giá xuất khẩu, gây ra tình trạng bán phá giá. Mặc dù Việt Nam đạt được những kết quả có lợi trong đợt xem xét hành chính thuế POR 6 và 7 vừa qua nhưng vẫn đang bị điều tra chống bán phá giá trong các kỳ POR 8 và 9. Do vậy, nếu giá xuất khẩu của Việt Nam không giữ được bằng hoặc cao hơn mức giá của kỳ POR 7 vừa qua thì các doanh nghiệp sẽ phải chịu tổn thất rất lớn nếu Mỹ áp thuế chống bán phá giá cao.

Giá nguyên liệu đầu vào cho nuôi cá tra tăng mạnh: Hạn hán tại khu vực Nam Mỹ và nhu cầu cao từ Trung Quốc đã và đang đẩy giá đậu tương và khô đậu tương thế giới tăng mạnh. Ngoài ra, việc giá khô đậu tương tăng cũng tác động dây chuyền nên giá các loại nguyên liệu cung cấp đậm khác như khô dầu hạt cải, khô dầu cò, bột xương thịt, bột cá... Các nguyên liệu cung cấp đậm chiếm tỷ trọng giá thành lớn trong giá TACN thành phẩm. Với mức giá thế giới cao như quý 1 và đầu quý 2, giá nhập khẩu các loại nguyên liệu cung cấp đậm về Việt Nam cuối quý 2 và quý 3 sẽ tăng mạnh so với quý 1. Giá nguyên liệu tăng sẽ đẩy giá TACN thành phẩm trong nước tăng, gây tác động bất lợi cho chi phí đầu vào của ngành thủy sản.

Xuất khẩu cá tra sang Mỹ vẫn tăng trưởng tốt và cơ hội cho Việt Nam từ việc Mỹ giảm thuế chống bán phá giá. Trong quý 1, theo Vasep, xuất khẩu cá tra của Việt Nam sang Mỹ vẫn đạt tăng trưởng 49,2%, giúp Mỹ tiếp tục giữ vị trí là thị trường đầu ra lớn nhất cho cá tra Việt Nam. Trong khi đó, theo số liệu từ Bộ Thương mại Mỹ, nhập khẩu cá da trơn của Mỹ 2 tháng đầu năm vẫn tăng mạnh 34,8% so với cùng kỳ trong bối cảnh nguồn cung cá da trơn nội địa của Mỹ tiếp tục suy giảm. Theo dự báo của AgroMonitor, xuất khẩu cá tra sang Mỹ trong quý 2 tiếp tục tăng trưởng khả quan do nhu cầu của Mỹ vẫn lớn, tuy nhiên các doanh nghiệp cần rất chú trọng đến vấn đề chống bán phá giá sau thành công của đợt POR6 và POR7 vừa qua.

Đối với xuất khẩu tôm

Xuất khẩu tôm sang EU sụt mạnh: Số liệu thống kê của Vasep cho thấy, Xuất khẩu sang EU vẫn đang cho thấy những dấu hiệu trì trệ mặc dù kim ngạch xuất khẩu trong tháng 3 có cải thiện hơn so với tháng trước đó. Mặc dù vậy, so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu tôm sang EU đã giảm tới 25,2%, trong đó sang Đức và Anh giảm lần lượt 48,7% và 43,1%. Tính chung quý 1, xuất khẩu tôm của Việt Nam sang khu vực này đã giảm 21,8%, chỉ đạt 59,7 triệu USD. Lo ngại khủng hoảng đã khiến cho người dân EU thắt chặt tiêu dùng, đẩy nhu cầu tiêu thụ giảm, đặc biệt với loại những thực phẩm có giá cao như tôm, cùng với những lo ngại về vấn đề thanh toán hợp đồng có thể khiến cho xuất khẩu tôm sang khu vực này trong quý 2 tiếp tục gặp khó.

Dịch bệnh trên tôm và thiếu vốn có thể gây sụt giảm mạnh về nguồn cung: Thống kê của Tổng cục Thủy sản cho thấy, đến hết tháng 3/2012 tại 7 tỉnh ĐBSCL, đã có gần 12.000 ha nuôi tôm bị dịch bệnh, trong đó có 11.384,7 ha nuôi tôm sú. Diện tích nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh bị thiệt hại là 1.137 ha trên tổng số 9.425 ha. Như vậy, tình hình dịch bệnh trên tôm sú nuôi theo hình thức thâm canh đang cho thấy chiều hướng như năm 2011. Việc các diện tích tôm thả nuôi đợt đầu bị thiệt hại nặng khiến cho các hộ nuôi phải thả nuôi lại vụ mới, đẩy nguồn cung tôm chính vụ sẽ rơi vào khoảng tháng 8, tháng 9. Điều này sẽ làm cho giá tôm nguyên liệu trong quý 2 tăng mạnh, gây nhiều rủi ro cho doanh nghiệp trong bối cảnh xuất khẩu đang gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng.

Giá nguyên liệu đầu vào cho tôm tăng mạnh. Cũng giống như cá tra, các loại nguyên liệu đậm như bột cá, khô đậu các loại chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành TACN hoàn chỉnh cho tôm. Do vậy, giá các loại nguyên liệu này tăng mạnh trong quý 1 sẽ gây sức ép về chi phí đầu vào cho các doanh nghiệp nuôi tôm và giá tôm nguyên liệu đầu ra.

Cạnh tranh từ Thái Lan, Indonesia, Trung Quốc và Ấn Độ. Ngoài thị trường Trung Quốc đang cho thấy tăng trưởng xuất khẩu tôm chậm lại do chính sách thắt chặt tiền tệ của chính phủ nước này thì xuất khẩu tôm của Indonesia và Ấn Độ vẫn đang tăng trưởng tốt tại Mỹ nhờ nguồn cung dồi dào. Tuy nhiên, tôm Việt Nam vẫn có nhiều cơ hội ở thị trường Mỹ do nhu cầu của Mỹ vẫn rất lớn và việc Thái Lan - nhà xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này đang có xu hướng chuyển dịch sang thị trường EU.

Kinh tế thế giới vẫn tăng trưởng chậm chạp, gây lo ngại về việc sụt giảm nhu cầu tiêu dùng. Không giống như cá tra, tôm là loại thực phẩm có phân khúc cao hơn. Vì vậy, trong suy thoái, sức tiêu thụ tôm sẽ bị suy giảm do người dân chuyển sang tiêu dùng loại thực phẩm khác có giá rẻ hơn. Các doanh nghiệp Việt Nam đã và đang chuyển sang xuất khẩu nhiều hơn tôm thẻ - loại tôm có mức giá thấp hơn cũng là một chuyển dịch khá đúng đắn trong thời điểm này.

Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ, Nhật, Asean vẫn tăng trưởng tốt. Theo số liệu từ Vasep, trong quý 1, Mỹ và Nhật Bản vẫn là 2 thị trường đầu ra lớn nhất của tôm với mức tăng trưởng lần lượt là 9,2% và 17,3%. Ngoài ra, xuất khẩu tôm sang Asean trong quý 1 cũng tăng trưởng 12,7%. Nhu cầu lớn từ Mỹ, Nhật Bản và các nước trong khu vực châu Á sẽ tiếp tục hỗ trợ cho xuất khẩu tôm trong quý 2/2012. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý về những cảnh báo về dư lượng thuốc kháng sinh trên tôm tại thị trường Nhật và vấn đề chống bán phá giá tại thị trường Mỹ. Trong đợt xét POR 6 vừa qua, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn bị áp mức thuế chung khá cao, ở mức 25,76%.

6.3. Phụ lục số liệu ngành thủy sản

Phụ lục 18: Một số chỉ tiêu thương mại chính ngành thủy sản

Chỉ tiêu		Tháng 2/2012	Tháng 1/2012	Quý 4/2011	Quý 3/2011
Số lượng DN		590	581	853	890
Kim ngạch (triệu USD)	Tổng	415	356	1.743	1.726
	Top 20 DN	132	111	527	534
	DN còn lại	283.4	244.7	1216.1	1191
Kim ngạch chủng loại (Triệu USD)	Cá tra	147	115	497	502
	Tôm	138	117	712	709
Giá xuất TB theo chủng loại (USD/kg)	Cá tra	2,80	2,79	2,87	2,90
	Tôm	9,98	10,02	10,31	9,99

Phụ lục 19: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản lớn nhất tháng 2/2012, Triệu USD

Doanh nghiệp xuất khẩu	Kim ngạch (Triệu USD)
CT CP Tập Đoàn TS MINH PHÚ	7,92
CT CP Vĩnh Hoàn	7,64
CT CP Hùng Vương	6,99
CT CP XNK TS An Giang	6,08
CT TNHH KDCBTS và XNK Quốc Việt	5,15
CT CP TS Sóc Trăng	4,74
CT TNHH CB TS Minh quý	4,59
CT CP TS Minh Hải	4,54
CT CP TP Sao Ta	3,49
CT TNHH MTV TP Đông Lạnh Việt I - MEI	3,35

CT CP CB TS và XNK Cà Mau	3,35
CT CP XNK TS Cần Thơ	3,25
CT TNHH Công nghiệp TP PATAYA (Việt Nam)	3,07
CT CP XNK TS Cửu Long An Giang	2,92
CT CP TS và TM Thuận Phước	2,73
CT TNHH Hải Vương	2,66
CT TNHH Đồ Hộp Việt Cường	2,59
CT TNHH Hải Sản Việt Hải	2,58
CT TNHH Công Nghiệp TS Miền Nam	2,54
CT CP CB Và XNK TS Cadovimex Ii	2,48

Phụ lục 20: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản lớn nhất tháng 1/2012

Doanh nghiệp xuất khẩu	Kim ngạch (Triệu USD)
CT CP Vĩnh Hoàn	14,02
CT CP XNK TS Cửu Long An Giang	11,45
CT CP Tập Đoàn TS MINH PHÚ	11,42
CT CP Hùng Vương	9,71
CT TNHH CB TS Minh quý	6,94
CT CP TS Sóc Trăng	6,04
CT TNHH KDCBTS và XNK Quốc Việt	5,42
CT CP TS Minh Hải	4,67
CT CP DT Và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I	4,66
CT TNHH Đồ Hộp Việt Cường	4,65
CT CP Việt An	4,59
CT TNHH 01tv tp Đông Lạnh Việt I - MEI	4,54
CT CP Hải Việt	4,48
CT CP TS và TM Thuận Phước	4,26
CT TNHH Công Nghiệp TS Miền Nam	4,25
CT CP TS Và XNK Côn Đảo	4,16
CT CP CB TP Phương Nam	3,91
CT CP CB Và dv TS Cà MAU	3,90
CT CP TP Sao Ta	3,82
CT CP TS CAFATEX	3,70

Phụ lục 21: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản lớn nhất Quý 3/2012, triệu USD

Doanh nghiệp xuất khẩu	Kim ngạch (Triệu USD)
CT CP Tập ĐOÀN TS MINH PHÚ	69,05
CT CP Vĩnh Hoàn	45,28
CT CP Hùng Vương	34,21
CT TNHH KDCBTS và XNK Quốc Việt	32,49
CT CP TS Sóc Trăng	31,94
CT CP TP Sao Ta	28,69
CT CP CB TP Phương Nam	27,65
CT cp Nha Trang Seafoods - F17	27,51
CT TNHH CB TS Minh quý	27,37
CT CP TS Cửu Long	23,98
CT CP Việt An	23,04
CT CP CB TS út Xi	22,85
CT CP CB Và dv TS Cà MAU	21,06
CT CP XNK TS Cửu Long An Giang	20,92
CT CP TS và TM Thuận Phước	17,91
CT CP Nam Việt	17,06
CT CP DT Và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I	16,81
CT CP TS Bình An	15,94
CT CP CB TS và XNK Cà Mau	15,81
CT CP Hải Việt	14,90

Phụ lục 22: Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản lớn nhất Quý 4/2012, triệu USD

Doanh nghiệp xuất khẩu	Kim ngạch (Triệu USD)
CT CP Tập ĐOÀN TS MINH PHÚ	73,77
CT CP Vĩnh Hoàn	40,88
CT CP Hùng Vương	33,52
CT TNHH KDCBTS và XNK Quốc Việt	30,36
CT CP TS Sóc Trăng	29,95
CT CP TP Sao Ta	29,02
CT CP Việt An	28,19
CT TNHH CB TS Minh quý	27,77
CT CP XNK TS An Giang	24,20
CT CP CB Và dv TS Cà MAU	22,36
CT cp Nha Trang Seafoods - F17	22,23

CT CP CB TS út Xi	19,92
CT CP CB TP Phương Nam	19,91
CT TNHH Công Nghiệp TS Miền Nam	19,14
CT CP Nam Việt	18,75
CT CP TS và TM Thuận Phước	18,52
CT CP TS Cửu Long	17,84
CT TNHH Hùng Cá	17,28
CT CP Hải Việt	17,03
CT CP CB TS XK âu Vững	16,60